TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00766



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 09 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11146090 | ~~LỤC VĂN~~ | ~~PHONG~~ | ~~DH11NK~~ | | | | | | | 10 | |
| 2 | 09146046 | TRỊNH THANH | PHƯỚC | DH09NK | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 3 | 11115005 | PHAN VŨ MINH | PHƯƠNG | DH11CB | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 4 | 11146038 | VŨ THỊ HÀ | PHƯƠNG | DH11NK | 1 | | 7 | | 6 | 6,3 | 6 | 3 |
| 5 | 11146076 | LÊ THỊ KIM | PHƯỢNG | DH11NK | 1 | | 6 | | 5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 6 | 11115013 | TRẦN ĐÌNH | QUÍ | DH11CB | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 7 | 11146024 | LÊ THỊ KIM | QUYÊN | DH11NK | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 8 | 11146073 | TRẦN HUY | RIN | DH11NK | 1 | | 10 | | 6 | 7,2 | 7 | 2 |
| 9 | 11146025 | HOÀNG NGỌC | SƠN | DH11NK | 1 | | 9 | | 7 | 7,6 | 7 | 6 |
| 10 | 11115009 | NGÔ THÀNH | SƠN | DH11CB | 1 | | 8 | | 8 | 8 | 8 | 0 |
| 11 | 11146078 | NGUYỄN DUY THÁI | SƠN | DH11NK | 1 | | 7 | | 2 | 3,5 | 3 | 5 |
| 12 | 11115006 | NGUYỄN HOÀNG | SƠN | DH11CB | 1 | | 9 | | 6 | 6,9 | 6 | 9 |
| 13 | 11146051 | DƯƠNG THANH | TÂM | DH11NK | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 14 | 11146101 | NGUYỄN SƠN NGUYỆT | THANH | DH11NK | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 15 | 11146039 | ĐÀO VŨ MINH | THÀNH | DH11NK | 1 | | 6 | | 1 | 2,5 | 2 | 5 |
| 16 | 11115012 | NGÔ THỊ HUYỀN | THOẠI | DH11CB | 1 | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 17 | 11146092 | VÕ ĐỨC | THÔNG | DH11NK | 1 | | 6 | | 1 | 2,5 | 2 | 5 |
| 18 | 11146049 | ĐẶNG THỊ THU | THÚY | DH11NK | 1 | | 9 | | 1 | 3,4 | 3 | 4 |

Số bài: 26 ; Số tờ: 26

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thanh Ngân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Lý Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

nTan

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00766



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 09 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11146042 | PHẠM HOÀNG | THƯƠNG | DH11NK | 1 | | 9 | | 7 | 7,6 | 7 | 6 |
| 20 | 11146094 | TRẦN MINH | TIẾN | DH11NK | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 21 | 11146095 | ~~TRẦN VĂN~~ | ~~TÍNH~~ | DH11NK | | | | | | | | |
| 22 | 11146028 | NGUYỄN HUY | TOÀN | DH11NK | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 23 | 11146056 | NGUYỄN THỊ KIỀU | TRANG | DH11NK | 1 | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 24 | 11146060 | NGÔ NGỌC BẢO | TRÂN | DH11NK | 1 | | 6 | | 1 | 2,5 | 2 | 5 |
| 25 | 11146079 | NGUYỄN VĂN MINH | TRƯỜNG | DH11NK | 1 | | 6 | | 3 | 3,9 | 3 | 9 |
| 26 | 11146044 | TRẦN VĂN | TRƯỜNG | DH11NK | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 27 | 11115015 | TRẦN QUANG | TUẤN | DH11CB | 1 | | 6 | | 1 | 2,5 | 2 | 5 |
| 28 | 11146031 | PHẠM VĂN | TÙNG | DH11NK | 1 | | 6 | | 1 | 2,5 | 2 | 5 |

Số bài: 16 ; Số tờ: 16

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thanh Ngân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Trần Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Lan

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 03271



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 09 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (20%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11146033 | MẠNH TUẤN | ANH | DH11NK | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| ~~2~~ | ~~11146006~~ | ~~HỒ VĂN~~ | ~~ÂN~~ | ~~DH11NK~~ | | | | | | | | |
| 3 | 11146001 | NGUYỄN THỊ | BÍCH | DH11NK | 1 | | 9 | | 4 | 5,5 | 5 | 5 |
| 4 | 11146008 | PHAN THỊ | BÍCH | DH11NK | 1 | | 9 | | 6 | 6,9 | 6 | 9 |
| 5 | 11146067 | TRẦN THỊ NHƯ | BÌNH | DH11NK | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 6 | 11146100 | PHẠM MINH | CAN | DH11NK | 1 | | 9 | | 7 | 7,6 | 7 | 6 |
| 7 | 11146063 | LÊ THỊ | CẨM | DH11NK | 1 | | 7 | | 6 | 6,3 | 6 | 3 |
| 8 | 11146083 | NGUYỄN HUỲNH | DAO | DH11NK | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| ~~9~~ | ~~11146085~~ | ~~NGUYỄN VĂN~~ | ~~DIỆN~~ | ~~DH11NK~~ | | | | | | | | |
| 10 | 11146068 | NGŨ TẤN | ĐẠT | DH11NK | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 11 | 11146070 | NGUYỄN THỊ THANH | HÀ | DH11NK | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 12 | 11146010 | BÙI MINH | HẢI | DH11NK | 1 | | 6 | | 1 | 2,5 | 2 | 5 |
| 13 | 11115002 | MAI HỒ | HẢI | DH11CB | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 14 | 11146014 | NGUYỄN THỊ MINH | HIỀN | DH11NK | 1 | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 15 | 11115003 | VÕ VĂN | HIẾN | DH11CB | 1 | | 6 | | 3 | 3,9 | 3 | 9 |
| 16 | 11146005 | NGUYỄN THỊ | HÒA | DH11NK | 1 | | 7 | | 4,5 | 5,2 | 5 | 2 |
| 17 | 11146052 | LÊ THỊ | HỒNG | DH11NK | 1 | | 7 | | 5,5 | 6 | 6 | 0 |
| 18 | 11146071 | VÕ MINH | KHA | DH11NK | 1 | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |

Số bài: 27 ; Số tờ: 27

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 03271



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 09 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11146061 | PHAN THỊ | LA | DH11NK | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 20 | 11146019 | LƯƠNG THỊ MỸ | LẠI | DH11NK | 1 | | 7 | | 7 | 7 | 7 | 0 |
| 21 | 11115004 | TRẦN THỊ MAI | LINH | DH11CB | 1 | | 0 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 22 | 11146058 | PHAN THỊ | LỰU | DH11NK | 1 | | 6 | | 5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 23 | 11146081 | LÊ HOÀNG | NAM | DH11NK | 1 | | 6 | | 2 | 3,2 | 3 | 2 |
| 24 | 11146037 | MAI THỊ MỸ | NGÂN | DH11NK | 1 | | 7 | | 2 | 3,5 | 3 | 5 |
| 25 | 11146075 | VÕ TRUNG | NGUYÊN | DH11NK | 1 | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 26 | 11146059 | ĐẶNG THANH | NHÃ | DH11NK | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 27 | 11115011 | MAI THỊ TUYẾT | NHUNG | DH11CB | 1 | | 9 | | 4 | 5,5 | 5 | 5 |
| 28 | 11115014 | NGUYỄN VĂN | PHÁP | DH11CB | 1 | | 8 | | 1 | 3,1 | 3 | 1 |
| 29 | 11146069 | LÊ THỊ | THÚY | DH11NK | 1 | | 9 | | 4 | 5,5 | 5 | 5 |

Số bài: 27 ; Số tờ: 27

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Đinh Thanh Tùng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ms Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00761



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 ( %) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11117013 | NGUYỄN TUẤN | AN | DH11CT | 1 | | 5 | | 5 | 5 | 5 | 0 |
| 2 | 11117001 | NGUYỄN TUẤN | ANH | DH11CT | 1 | | 6 | | 3,5 | 4,3 | 4 | 3 |
| 3 | 11117017 | LÊ MẠNH THỊ BẢO | CHÂU | DH11CT | 1 | | 6 | | 2,5 | 3,6 | 3 | 6 |
| 4 | 11117143 | ~~ĐỖ NGỌC~~ | ~~CHÍNH~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | | |
| 5 | 11117144 | DƯƠNG THỊ | CƯỜNG | DH11CT | 1 | | 7 | | 7 | 7 | 7 | 0 |
| 6 | 11117021 | PHẠM THÚY | DÂNG | DH11CT | 1 | | 9 | | 2 | 4,1 | 4 | 1 |
| 7 | 11117022 | HỒ THỊ NGỌC | DIỄM | DH11CT | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 8 | 11117026 | CHU THỊ | DUNG | DH11CT | 1 | | 6 | | 5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 9 | 11117031 | LÊ THÀNH | GIÚP | DH11CT | 1 | | 6 | | 1 | 2,5 | 2 | 5 |
| 10 | 11117146 | HỒ THỊ THU | HÀ | DH11CT | 1 | | 6 | | 1 | 2,5 | 2 | 5 |
| 11 | 11117126 | NGUYỄN THANH | HẢO | DH11CT | 1 | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 12 | 11117147 | TRẦN THỊ THU | HẰNG | DH11CT | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 13 | 11117010 | VÕ THỊ THU | HẰNG | DH11CT | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 14 | 11117034 | LÊ THỊ NGỌC | HÂN | DH11CT | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 15 | 11117036 | CHẾ THANH | HẬU | DH11CT | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 16 | 11117002 | ĐINH THỊ | HIỆP | DH11CT | 1 | | 8 | | 3 | 4,5 | 4 | 5 |
| 17 | 11117037 | TRẦN CÔNG | HIẾU | DH11CT | 1 | | 5 | | 5 | 5 | 5 | 0 |
| 18 | 11117039 | ~~PHẠM VĂN~~ | ~~HOAN~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | | |

Số bài: 63 ; Số tờ: 63

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Võ Thanh Hương

Nguyễn Thanh Bình

Duyệt của Trưởng Bộ môn

NTam

Cán bộ chấm thi 1&2

NTam

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00761



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11117128 | NGUYỄN VŨ | KHA | DH11CT | 1 | | 10 | | 4 | 5,8 | 5 | 8 |
| 20 | 11117003 | HUỲNH VĂN | KHANG | DH11CT | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 21 | 11117129 | NGUYỄN ANH | KHOA | DH11CT | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 22 | 11117046 | NGUYỄN ĐĂNG | KHOA | DH11CT | 1 | | 5 | | 3 | 3,6 | 3 | 6 |
| 23 | 11117130 | DƯƠNG QUỐC | KHỞI | DH11CT | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 24 | 11117172 | ~~LÝ THANH~~ | ~~KIỆT~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | 0 | |
| 25 | 11117049 | ~~BÙI HOÀNG~~ | ~~LÂM~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | 0 | |
| 26 | 11117004 | PHẠM THÀNH | LÂM | DH11CT | 1 | | 9 | | 4 | 5,5 | 5 | 5 |
| 27 | 11117149 | ~~LÊ THỊ THU~~ | ~~LIỄN~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | 0 | |
| 28 | 11117011 | ĐINH CÔNG | LỢI | DH11CT | 1 | | 5 | | 6 | 5,7 | 5 | 7 |
| 29 | 11117052 | TRƯƠNG HIỆP | LỢI | DH11CT | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 30 | 11117053 | TRẦN MINH | LUÂN | DH11CT | 1 | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 31 | 11117055 | NGUYỄN THỊ TRÚC | LY | DH11CT | 1 | | 9 | | 1 | 3,4 | 3 | 4 |
| 32 | 11117056 | PHAN THỊ THẢO | LY | DH11CT | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 33 | 11117153 | PHAN THỊ | LÝ | DH11CT | 1 | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 34 | 11117057 | NGUYỄN THỊ NGỌC | MAI | DH11CT | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 35 | 11117062 | MAI THỊ TUYẾT | NGÂN | DH11CT | 1 | | 9 | | 6 | 6,9 | 6 | 9 |
| 36 | 11117066 | DƯƠNG ĐỨC | NHÃ | DH11CT | 1 | | 7 | | 2 | 3,5 | 3 | 5 |

Số bài: 36 ; Số tờ: 36

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Võ Khánh Thi

Nguyễn Thanh Bình

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

NTA

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00761



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 37 | 11117067 | LÊ HỒNG | NHÂN | DH11CT | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 38 | 11117068 | NGUYỄN HỮU | NHÂN | DH11CT | 1 | | 6 | | 1 | 2,5 | 2 | 5 |
| 39 | 11117070 | PHẠM ĐĂNG | NHÂN | DH11CT | 1 | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 40 | 11117155 | NGUYỄN THỊ | NHẤT | DH11CT | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 41 | 11117071 | TRẦN THỊ YẾN | NHI | DH11CT | 1 | | 8 | | 7 | 7,3 | 7 | 3 |
| 42 | 11117157 | PHẠM THỊ | NHỤY | DH11CT | 1 | | 6 | | 3 | 3,9 | 3 | 9 |
| 43 | 11117073 | TRƯƠNG CÔNG | NIỆM | DH11CT | 1 | | 5 | | 2 | 2,9 | 2 | 9 |
| 44 | 11117173 | DANH QUỐC | PHÚC | DH11CT | 1 | | 5 | | 1 | 2,2 | 2 | 2 |
| 45 | 11117158 | VÕ THIÊN | PHƯƠNG | DH11CT | 1 | | 5 | | 3 | 3,6 | 3 | 6 |
| 46 | 11117160 | NGUYỄN VĂN | QUÍ | DH11CT | 1 | | 5 | | 1 | 2,2 | 2 | 2 |
| 47 | 11117134 | LỮ THANH | TÂM | DH11CT | 1 | | 8 | | 3 | 4,5 | 4 | 5 |
| 48 | 11117088 | CAO CHÍ | THANH | DH11CT | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 49 | 11117135 | ~~SƠN DUY~~ | ~~THANH~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | | |
| 50 | 11117090 | TRẦN THỊ XUÂN | THẢO | DH11CT | 1 | | 6 | | 1 | 2,5 | 2 | 5 |
| 51 | 11117091 | TRƯƠNG THỊ | THẢO | DH11CT | 1 | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 52 | 11117092 | ĐỖ THỊ | THẮM | DH11CT | 1 | | 7 | | 6 | 6,3 | 6 | 3 |
| 53 | 11117136 | VŨ THỊ MỘNG | THẮM | DH11CT | | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 54 | 11117137 | NGUYỄN BÁ | THẮNG | DH11CT | | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |

Số bài: 53 ; Số tờ: 6 3

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Võ Thanh Thủy

Nguyễn Thanh Bình

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ngô Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00761



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 55 | 11117162 | ~~LÊ XUẤT~~ | ~~THÂN~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | 0 | |
| 56 | 11117093 | ~~LÊ TẤN~~ | ~~THẾ~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | 0 | |
| 57 | 11117096 | CÁP THỊ LỆ | THU | DH11CT | | | 6 | | 3 | 3,9 | 2 | 9 |
| 58 | 11117098 | NGUYỄN MINH | THUẬN | DH11CT | | | 6 | | 5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 59 | 11117100 | HỒ THỊ | THÚY | DH11CT | | | 8 | | 2 | 3,8 | 3 | 8 |
| 60 | 11117099 | NGUYỄN THỊ NGỌC | THUYỀN | DH11CT | | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 61 | 11117009 | ~~NGUYỄN PHỤNG~~ | ~~TIÊN~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | 0 | |
| 62 | 11117139 | ~~NGUYỄN MINH~~ | ~~TIẾN~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | 0 | |
| 63 | 11117109 | LÊ NGỌC | TÍNH | DH11CT | | | 9 | | 1 | 3,4 | 3 | 4 |
| 64 | 11117110 | ~~NGUYỄN TRUNG~~ | ~~TÍNH~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | 0 | |
| 65 | 11117112 | BÙI THỊ HỒNG | TRANG | DH11CT | | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 66 | 11117113 | LÊ THỊ THU | TRANG | DH11CT | | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 67 | 10156081 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | TRANG | DH10VT | | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 68 | 11117140 | NGUYỄN TRỌNG | TRÍ | DH11CT | | | 6 | | 5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 69 | 11117117 | HUỲNH THỊ TỐ | TRINH | DH11CT | | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 70 | 11117165 | ~~NGUYỄN PHI~~ | ~~TRÌNH~~ | ~~DH11CT~~ | | | | | | | 0 | |
| 71 | 11117120 | NGUYỄN THÀNH | TRUNG | DH11CT | | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 72 | 11117166 | NGUYỄN CÔNG | TRƯỜNG | DH11CT | | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |

Số bài: 63 ; Số tờ: 63

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Võ Thanh Thủy

Ng Thanh Bình

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00761



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 ( %) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 73 | 11117123 | NGUYỄN THỊ CẨM | TÚ | DH11CT | | Tú | 6 | sáu lan | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 74 | 11117007 | NGUYỄN THỊ | TUYẾT | DH11CT | | Tuyết | 6 | | 7 | 6,7 | 6 | 7 |
| 75 | 11117167 | TRƯƠNG VĂN | TƯỜNG | DH11CT | | Tường | 8 | | 2 | 3,8 | 3 | 8 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Số bài: 63 ; Số tờ: 63

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2: Vũ Thanh Thủy; Ng Thanh Bình

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Ng Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2: NTan

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00770



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 11 - Tổ 003 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 ( %) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09118014 | NGUYỄN HỒNG | PHÚC | CD10CI | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 2 | 11138010 | LÊ DUY | PHƯỚC | DH11CD | 1 | | 9 | | 8 | 8,3 | 8 | 3 |
| 3 | 10154031 | NGUYỄN VĂN | QUÍ | DH10OT | 2 | | 9 | | 4,5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 4 | 11138004 | DƯƠNG PHƯỚC PHÚ | QUÝ | DH11CD | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 5 | 11154014 | UNG NGỌC | QUÝ | DH11OT | 1 | | 8 | | 1 | 3,1 | 3 | 1 |
| 6 | 11154013 | NGÔ VĂN | QUYẾT | DH11OT | 1 | | 8 | | 9 | 8,7 | 8 | 7 |
| 7 | 11154015 | THÒNG PHỐ | SẦU | DH11OT | 1 | | 8 | | 6 | 6,6 | 6 | 6 |
| 8 | 11154049 | NGUYỄN HOÀNG | SƠN | DH11OT | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 9 | 11154043 | TRẦN ĐỨC | TÀI | DH11OT | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 10 | 11154016 | TRƯƠNG CHÍ | TÂM | DH11OT | 1 | | 8 | | 6 | 6,6 | 6 | 6 |
| 11 | 11154017 | DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH | TÂN | DH11OT | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 12 | 11154025 | TRẦN NHẬT | TÂN | DH11OT | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 13 | 11154018 | DƯƠNG HỒNG | THANH | DH11OT | 1 | | 8 | | 3 | 4,5 | 4 | 5 |
| 14 | 11154044 | TRẦN MINH | THANH | DH11OT | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 15 | 11154058 | LÊ VĂN | THÀNH | DH11OT | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 16 | 11154059 | LÊ XUẤT | THÂN | DH11OT | 1 | | 9 | | 5 | 6,2 | 6 | 2 |
| 17 | 11154048 | BÙI MINH | THIỆN | DH11OT | 1 | | 9 | | 5 | 6,2 | 6 | 2 |
| 18 | 11154019 | TRƯƠNG HỮU | THIỆN | DH11OT | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |

Số bài: 30 ; Số tờ: 31

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triệu Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00770



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 11 - Tổ 003 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11138016 | NGUYỄN LÊ HOÀNG | THÔNG | DH11CD | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 20 | 10344072 | NGUYỄN CÔNG | TIẾN | CD10CI | 1 | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 21 | 11154062 | NGUYỄN MINH | TIẾN | DH11OT | 1 | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 22 | 11154020 | VŨ TRẦN | TIẾN | DH11OT | 1 | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 23 | 11138003 | TRẦN PHÚ | TOÀN | DH11CD | 1 | | 6 | | 7,5 | 7,1 | 7 | 1 |
| ~~24~~ | ~~11154031~~ | ~~NGUYỄN CHÍ~~ | ~~TRAI~~ | ~~DH11OT~~ | | | | | | | | |
| 25 | 10125176 | TRƯƠNG THỊ MỸ | TRÂM | DH10BQ | 1 | | 8 | | 7 | 7,3 | 7 | 3 |
| ~~26~~ | ~~11154023~~ | ~~LÊ HỒNG~~ | ~~TRE~~ | ~~DH11OT~~ | | | | | | | | |
| 27 | 11154021 | ĐẶNG QUỐC | TRÍ | DH11OT | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 28 | 11154034 | ĐINH QUỐC | TRUNG | DH11OT | 1 | | 9 | | 7 | 7,6 | 7 | 6 |
| 29 | 11154052 | PHAN THANH | TRUNG | DH11OT | 1 | | 7 | | 7 | 7 | 7 | 0 |
| ~~30~~ | ~~11154061~~ | ~~NGUYỄN ANH~~ | ~~TUẤN~~ | ~~DH11OT~~ | | | | | | | | |
| 31 | 11154053 | HUỲNH THANH | TÙNG | DH11OT | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 32 | 11154054 | PHẠM NHƯ | VẬN | DH11OT | 1 | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 33 | 11138011 | HUỲNH MINH | VŨ | DH11CD | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Số bài: 30 ; Số tờ: 31

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00769



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD302 **Nhóm Thi :** Nhóm 11 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 ( %) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11154056 | NGUYỄN TÂM | HỌC | DH11OT | | Học | 7 | | 6 | 6,3 | 6 | 3 |
| 2 | 11154035 | LÊ HUY | HÙNG | DH11OT | | Hùng | 7 | | 8 | 7,7 | 7 | 7 |
| 3 | 11154063 | TRẦN HOÀNG | HUY | DH11OT | | Huy | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 4 | 11138008 | HỒ VĂN | HƯNG | DH11CD | | Hưng | 9 | | 4 | 5,5 | 5 | 5 |
| 5 | 11154057 | NGÔ TRÍ | HỮU | DH11OT | | Hữu | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| ~~6~~ | ~~11154008~~ | ~~ĐẶNG NGUYỄN MINH~~ | ~~KHA~~ | ~~DH11OT~~ | | | | | | | | |
| 7 | 11154038 | NGUYỄN CAO VĨNH | KHƯƠNG | DH11OT | | Khương | 7 | | 7 | 7 | 7 | 0 |
| ~~8~~ | ~~11154039~~ | ~~NGUYỄN~~ | ~~LAI~~ | ~~DH11OT~~ | | | | | | | | |
| 9 | 10146116 | HÀ THANH | LAN | DH10DD | | Thanh | 9 | | 7 | 7,6 | 7 | 6 |
| 10 | 11138005 | HUỲNH THIỆN | LỘC | DH11CD | | Lộc | 5 | | 1 | 2,2 | 2 | 2 |
| 11 | 11154060 | ĐOÀN THẾ | LUÂN | DH11OT | | Thế | 8 | | 2 | 3,8 | 3 | 8 |
| 12 | 11154042 | NGÔ HOÀNG | LUÂN | DH11OT | | Luân | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 13 | 11154009 | ĐINH CÔNG | LỰC | DH11OT | | Lực | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 14 | 11138009 | PHẠM MINH | LÝ | DH11CD | | Minh Lý | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 15 | 11154045 | CHU ĐỨC | MINH | DH11OT | | Minh | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| ~~16~~ | ~~11154036~~ | ~~LÊ ANH~~ | ~~MINH~~ | ~~DH11OT~~ | | | | | | | | |
| 17 | 11154010 | NÔNG TRỌNG | NGHĨA | DH11OT | | Nghĩa | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 18 | 11154028 | LÊ ANH | NGUYÊN | DH11OT | | Nguyên | 7 | | 7 | 7 | 7 | 0 |

Số bài: 23 ; Số tờ: 23

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00769



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD302 **Nhóm Thi :** Nhóm 11 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11154011 | PHẠM XUÂN | NGUYÊN | DH11OT | | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 20 | 10154026 | TÔ NGỌC | NHẤT | DH10OT | | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 21 | 10154089 | THÁI SINH | NHẬT | DH10OT | | | 1 | | 2 | 1,7 | 1 | 7 |
| 22 | 11154041 | VŨ ĐÌNH | NHINH | DH11OT | | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 23 | 11154046 | NGUYỄN TRỌNG | NHƠN | DH11OT | | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 24 | 10139164 | TRẦN VĂN | NIỆM | DH10HH | | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| ~~25~~ | ~~09154032~~ | ~~ĐINH TẤN~~ | ~~PHÁT~~ | ~~DH09OT~~ | | | | Vắng | | | 0 | |
| 26 | 11154047 | NGUYỄN LÊ DUY | PHÁT | DH11OT | | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 27 | 11154012 | NGUYỄN THANH | PHONG | DH11OT | | | 8 | | 6 | 6,6 | 6 | 6 |

Số bài: 23 ; Số tờ: 23

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00768



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 11 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11154001 | TRẦN THẾ | AN | DH11OT | 1 | | 9 | | 4 | 5,5 | 5 | 5 |
| 2 | 11154002 | NGUYỄN TUẤN | ANH | DH11OT | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 3 | 08118001 | NGUYỄN ĐỨC | BẢO | DH08CK | 1 | | 8 | | 9 | 8,7 | 8 | 7 |
| 4 | 11154003 | TRẦN NGỌC THIÊN | BẢO | DH11OT | 1 | | 8 | | 1 | 3,1 | 3 | 1 |
| 5 | 11154004 | NGUYỄN THÀNH | CÔNG | DH11OT | 1 | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 6 | 11154024 | LÊ PHÚC | CƯỜNG | DH11OT | 1 | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 7 | 11138013 | TRẦN MẠNH | CƯỜNG | DH11CD | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 8 | 11154027 | NGUYỄN VĂN | DINH | DH11OT | 1 | | 6 | | 0,5 | 2 | 2 | 0 |
| 9 | 11154029 | TRẦN ANH | DU | DH11OT | 1 | | 7 | | 0,5 | 2,5 | 2 | 5 |
| 10 | 10153003 | NGUYỄN ĐÌNH | DŨNG | DH10CD | 1 | | 0,5 | | 1,5 | 0,2 | 0 | 2 |
| 11 | 11154005 | ĐÀO VĂN | DUYÊN | DH11OT | 1 | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 12 | 11154030 | NGUYỄN BÌNH | DƯƠNG | DH11OT | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 13 | 10138003 | ĐẶNG XUÂN | ĐẠI | DH10TD | 1 | | 8 | | 1 | 3,1 | 3 | 1 |
| 14 | 10138032 | CHU VĂN | ĐẠT | DH10TD | 1 | | 7 | | 8 | 7,7 | 7 | 7 |
| 15 | ~~11138002~~ | ~~NGUYỄN THÀNH~~ | ~~ĐẠT~~ | DH11CD | 1 | | 0,5 | | 0,5 | 0,5 | 0 | 5 |
| 16 | 11138001 | TRẦN TIẾN | ĐẠT | DH11CC | 1 | | 6,5 | | 1 | 2,7 | 2 | 7 |
| 17 | 10138004 | BÙI NGỌC | ĐỨC | DH10TD | 1 | | 0,5 | | 0,5 | 0,5 | 0 | 5 |
| 18 | 10153009 | PHẠM HỮU | ĐỨC | DH10CD | 1 | | 6 | | 2 | 3,2 | 3 | 2 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô T. Ngọc Hân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Thiên Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00768



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 11 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11154051 | TRỊNH XUÂN | HÀNH | DH11OT | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 20 | ~~11138012~~ | ~~ĐINH VĂN~~ | ~~HIỂN~~ | ~~DH11CD~~ | | | | | | | | |
| 21 | 11154055 | CHÂU NGỌC | HIỆP | DH11OT | 1 | | 7 | | 7 | 7 | 7 | 0 |
| 22 | 11154006 | ĐOÀN MINH | HIẾU | DH11OT | 1 | | 7 | | 7 | 7 | 7 | 0 |
| 23 | 09137003 | LÝ VĂN | HIẾU | DH09NL | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 24 | ~~11154040~~ | ~~TRƯƠNG CÔNG~~ | ~~HIẾU~~ | ~~DH11OT~~ | | | | | | | | |
| 25 | 11154032 | VŨ THANH | HIẾU | DH11OT | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 26 | 11154033 | NGUYỄN VĂN | HÓA | DH11OT | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 27 | 11154007 | ĐẶNG MINH | HOÀNG | DH11OT | 1 | | 8 | | 1 | 3,1 | 3 | 1 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Số bài: 25 ...; Số tờ: 25 ....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô T. Ngọc Hân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Nam

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00760



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD105 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 003 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 ( %) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11125091 | PHAN VĂN | THÀNH | DH11BQ | | | 7 | | 2 | 3,5 | 3 | 5 |
| 2 | 11125143 | HUỲNH THANH | THẢO | DH11BQ | | | 6 | | 6 | 6 | 6 | 0 |
| 3 | 11125094 | HOÀNG VĂN | THẾ | DH11BQ | | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 4 | 11125095 | PHẠM THỊ THANH | THI | DH11BQ | | | 6 | | 7 | 6,7 | 6 | 7 |
| ~~5~~ | ~~10154080~~ | ~~NGUYỄN ANH~~ | ~~THIA~~ | ~~DH10OT~~ | | | | | | V | 0 | 0 |
| 6 | 11125017 | NGUYỄN HỮU | THIỆN | DH11BQ | | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| ~~7~~ | ~~11125097~~ | ~~NGUYỄN ĐẶNG PHÁT~~ | ~~THỊNH~~ | ~~DH11BQ~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 8 | 11125100 | HOÀNG THỊ | THỜI | DH11BQ | | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 9 | 11125103 | NÔNG THỊ KIM | THÚY | DH11BQ | | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 10 | 11125104 | NGUYỄN THỊ THANH | THÚY | DH11BQ | | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 11 | 11125166 | THÁI THỊ | THUYỀN | DH11BQ | | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| ~~12~~ | ~~11125144~~ | ~~MAI THIÊN~~ | ~~THƯ~~ | ~~DH11BQ~~ | | | | | | V | 0 | 0 |
| 13 | 11125109 | NGUYỄN QUANG | TIẾN | DH11BQ | | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 14 | 11125112 | HOÀNG THỊ | TỐT | DH11BQ | | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 15 | 11125113 | LÌU THỊ KIM | TRANG | DH11BQ | | | 6 | | 3 | 3,9 | 3 | 9 |
| 16 | 11125169 | TRẦN THỊ | TRANG | DH11BQ | | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 17 | 11125117 | NGUYỄN VĂN | TRE | DH11BQ | | | 8 | | 7 | 7,3 | 7 | 3 |
| 18 | 11125023 | NGUYỄN MINH | TRÍ | DH11BQ | | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |

Số bài: 24 ; Số tờ: 25

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thanh Hùng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

N Tan

Ngày 12 tháng 12 năm 201

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00760



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD105 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 003 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (20%) | Đ2 (70%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11125172 | NGUYỄN THỊ | TRINH | DH11BQ | | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 20 | 09126245 | NGUYỄN ĐỨC | TRỌNG | DH09SH | | | 9 | | 4 | 5,5 | 5 | 5 |
| 21 | 11125120 | KIM THÀNH | TRUNG | DH11BQ | | | 8 | | 3 | 4,5 | 4 | 5 |
| 22 | 11125124 | ĐINH NGỌC | TÚ | DH11BQ | | | 7,8 | 7 | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 23 | 11125122 | ĐỖ THANH | TÙNG | DH11BQ | | | 8 | | 1 | 3,1 | 3 | 1 |
| ~~24~~ | ~~11125125~~ | ~~LÝ THỊ NGỌC~~ | ~~UYÊN~~ | ~~DH11BQ~~ | | | | | | V | V | |
| 25 | 11125127 | PHÙNG THẾ | VINH | DH11BQ | | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 26 | 11125019 | BÙI THỊ HOÀNG | YẾN | DH11BQ | | | 7 | | 2 | 3,5 | 3 | 5 |
| 27 | 11125131 | ĐINH THỊ NGỌC | YẾN | DH11BQ | | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 28 | 11125133 | NGUYỄN THỊ THU | YẾN | DH11BQ | | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |

Số bài: 24 ; Số tờ: 25

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thanh Hùng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

NS Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

N Lan

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00759



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104 Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11125059 | PHAN THỊ THU | HƯỜNG | DH11BQ | | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 2 | 10114015 | HOÀNG DUY | KHANG | DH10KL | | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 3 | 11125061 | LA QUỐC | KHÁNH | DH11BQ | | | 8 | | 1 | 3,1 | 3 | 1 |
| 4 | 11125062 | LÊ QUỐC | KHÁNH | DH11BQ | | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 5 | 11125063 | NGUYỄN THỊ THÚY | KIỀU | DH11BQ | | | 7 | | 6 | 6,3 | 6 | 3 |
| 6 | 11125065 | NGUYỄN THỊ HỒNG | LAM | DH11BQ | | | 7 | | 2 | 3,5 | 3 | 5 |
| 7 | 11125066 | BÀN THỊ | LAN | DH11BQ | | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 8 | 11125153 | HUỲNH THỊ KIM | LÀNH | DH11BQ | | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 9 | 11125155 | ĐẶNG THỊ KHA | LINH | DH11BQ | | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 10 | 11125070 | VÕ THỊ THU | LƯỠNG | DH11BQ | | | 7 | | 6 | 6,3 | 6 | 3 |
| 11 | 11125009 | NGUYỄN THỊ THÙY | NGÂN | DH11BQ | | | 9 | | 4 | 5,5 | 5 | 5 |
| 12 | 11125010 | NGUYỄN THỊ THÚY | NGÂN | DH11BQ | | | 6 | | 2 | 3,2 | 3 | 2 |
| ~~13~~ | ~~11125075~~ | ~~HỒ TRỌNG~~ | ~~NGHĨA~~ | ~~DH11BQ~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 14 | 11125078 | NGUYỄN THỊ | NGỌC | DH11BQ | | | 10 | | 3 | 5,1 | 5 | 1 |
| 15 | 11125159 | NGUYỄN VĨ THẢO | NGUYÊN | DH11BQ | | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 16 | 11125011 | NGUYỄN THỊ | NGUYỆT | DH11BQ | | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 17 | 11125012 | NGUYỄN THỊ NGỌC | NHI | DH11BQ | | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 18 | 11125013 | TRẦN THỊ | NINH | DH11BQ | | | 6 | | 3 | 3,9 | 3 | 9 |

Số bài: 26 ; Số tờ: 26

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Hạnh

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00759



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11125082 | TRẦN THỊ NGỌC | NUÔI | DH11BQ | | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 20 | 11125083 | DƯƠNG THỊ KIỀU | OANH | DH11BQ | | | 8 | | 3 | 4,5 | 4 | 5 |
| 21 | 10114076 | NGÔ TIẾN | PHÁT | DH10KL | | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 22 | 11125015 | TRẦN NGUYỄN HỮU | PHƯỚC | DH11BQ | | | 10 | | 5 | 6,5 | 6 | 5 |
| ~~23~~ | ~~11125086~~ | ~~PHAN THỊ VIỆT~~ | ~~PHƯƠNG~~ | ~~DH11BQ~~ | | | | | | | 0 | |
| 24 | 11125087 | NGUYỄN SỸ | QUANG | DH11BQ | | | 8 | | 6 | 6,6 | 6 | 6 |
| 25 | 11125161 | NGUYỄN THỊ LỆ | QUYÊN | DH11BQ | | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 26 | 11125016 | TRẦN THỊ THẢO | QUYÊN | DH11BQ | | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 27 | 11125142 | NGUYỄN MINH | TÂM | DH11BQ | | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 28 | 11125162 | HUỲNH TẤN | THÀNH | DH11BQ | | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |

Số bài: 26 ; Số tờ: 26

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Hạnh

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

18 Trần Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

N Tan

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00758



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 10114075 | TRẦN THANH | AN | DH10KL | | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 2 | 11125025 | DƯƠNG TUẤN | ANH | DH11BQ | | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 3 | 11125020 | NGÔ THỊ NGỌC | ÁNH | DH11BQ | | | 8 | | 6 | 6,6 | 6 | 6 |
| 4 | 11125029 | NGUYỄN THỊ NGỌC | BÍCH | DH11BQ | | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 5 | 11125031 | HOÀNG THỊ KIM | CHI | DH11BQ | | | 10 | | 8 | 8,6 | 8 | 6 |
| ~~6~~ | ~~11125003~~ | ~~BÙI MINH~~ | ~~CƯỜNG~~ | ~~DH11BQ~~ | | | | | | | 0 | |
| 7 | 11125033 | BÙI MINH | CƯỜNG | DH11BQ | | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 8 | 11125035 | CAO THỊ THÙY | DUNG | DH11BQ | | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 9 | 11125021 | ĐẶNG THỊ THANH | DUNG | DH11BQ | | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 10 | 11125037 | TRẦN NGỌC | DUNG | DH11BQ | | | 10 | | 8 | 8,6 | 8 | 6 |
| 11 | 11125041 | LÊ VĂN | DŨNG | DH11BQ | | | 9 | | 3 | 4,8 | 4 | 8 |
| 12 | 11125042 | TRẦN VĂN | DŨNG | DH11BQ | | | 8 | | 6 | 6,6 | 6 | 6 |
| 13 | 08148021 | ĐOÀN HOÀNG BẢO | DUY | DH08DD | | | 9 | | 4 | 5,5 | 5 | 5 |
| 14 | 11125039 | NGUYỄN THỊ HỒNG | DUYÊN | DH11BQ | | | 8 | | 9 | 8,7 | 8 | 7 |
| 15 | 11125147 | NGUYỄN THỊ SINH | DUYÊN | DH11BQ | | | 7 | | 6 | 6,3 | 6 | 3 |
| 16 | 11125043 | LÊ THỊ | ĐÀO | DH11BQ | | | 7 | | 7 | 7 | 7 | 0 |
| 17 | 11125004 | NGUYỄN THỊ | GIANG | DH11BQ | | | 9 | | 7 | 7,6 | 7 | 6 |
| ~~18~~ | ~~11125045~~ | ~~HỒ VIỆT~~ | ~~HÀ~~ | ~~DH11BQ~~ | | | | | | | 0 | |

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00758



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11125046 | HUỲNH NGỌC | HÀ | DH11BQ | | | 7 | | 2 | 3,5 | 3 | 5 |
| ~~20~~ | ~~11125005~~ | ~~TẠ ĐIỀN MINH~~ | ~~HÀ~~ | ~~DH11TP~~ | | | | | | | ~~0~~ | |
| 21 | 11125050 | NGUYỄN THỊ | HẠNH | DH11BQ | | | 9 | | 1 | 3,4 | 3 | 4 |
| 22 | 10154065 | LÝ MINH | HẢO | DH10OT | | | 9 | | 5 | 6,2 | 6 | 2 |
| 23 | 11125022 | ĐẶNG THÁI | HẬU | DH11BQ | | | 7 | | 7 | 7 | 7 | 0 |
| ~~24~~ | ~~11125007~~ | ~~NGUYỄN MINH~~ | ~~HIỀN~~ | ~~DH11BQ~~ | | | | | | | ~~0~~ | |
| 25 | 11125052 | HOÀNG TIẾN | HIẾU | DH11BQ | | | 8 | | 1 | 3,1 | 3 | 1 |
| 26 | 11125137 | PHẠM THỊ CẨM | HỒNG | DH11BQ | | | 6 | | 0,5 | 2 | 2 | 5 |
| 27 | 11125151 | VŨ THỊ THANH | HƯƠNG | DH11BQ | | | 9 | | 5 | 6,2 | 6 | 2 |
| 28 | 11125138 | VŨ THỊ THU | HƯƠNG | DH11BQ | | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Đình Mạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Trần Thiên Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00757



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102 **Nhóm Thi :** Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 10137001 | BÙI THỊ TRÂM | ANH | DH10NL | 1 | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 2 | 10148020 | NGÔ VĂN | CHIẾN | DH10DD | 2 | | 9 | | 5 | 6,2 | 6 | 2 |
| 3 | 09153041 | NGUYỄN THÀNH | CHUNG | DH09CD | 1 | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 4 | 08126024 | MAI THỊ HỒNG | DIỄM | DH08SH | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 5 | 10153055 | ĐOÀN ANH | DUY | DH10CD | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 6 | 10148043 | NGUYỄN LINH | ĐA | DH10DD | 1 | | 9 | | 5 | 6,2 | 6 | 2 |
| 7 | 08126056 | CAO NGỌC | HẢI | DH08SH | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| ~~8~~ | ~~10139062~~ | ~~ĐỖ THỊ~~ | ~~HOA~~ | ~~DH10HH~~ | | | | | | | 0 | |
| 9 | 10148081 | TRẦN VĂN | HÒA | DH10DD | 1 | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 10 | 10117070 | ĐỖ KHẮC | HUY | DH10CT | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| 11 | 10125076 | LOMU | JUNI | DH10BQ | 1 | | 7 | | 2 | 3,5 | 3 | 5 |
| 12 | 09125069 | LÊ CAO | KHÔI | DH09BQ | 1 | | 6 | | 4 | 4,6 | 4 | 6 |
| 13 | 10119002 | NGUYỄN ĐÌNH | LINH | DH10CC | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| ~~14~~ | ~~10154023~~ | ~~THẠCH~~ | ~~MÃN~~ | ~~DH10OT~~ | | | | | | | 0 | |
| 15 | 10173048 | LẠI THỊ | NGÂN | DH10GE | 1 | | 7 | | 2 | 3,5 | 3 | 5 |
| 16 | 10148174 | ĐẶNG THỊ MINH | NHẬT | DH10DD | 1 | | 7 | | 6 | 6,3 | 6 | 3 |
| 17 | 10148189 | HUỲNH BÍCH | PHƯƠNG | DH10DD | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 18 | 10148192 | NGUYỄN THỊ KIM | PHƯƠNG | DH10DD | 1 | | 8 | | 6 | 6,6 | 6 | 6 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 26

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Tiến Dũng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Thiên Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00757



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102 **Nhóm Thi :** Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( 30 %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( 70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 08153022 | CHÂU TRUNG | QUỐC | DH08CD | 1 | | 9 | | 1 | 3,4 | 3 | 4 |
| 20 | 08148139 | NGUYỄN LÊ THÀNH | QUÝ | DH08DD | 1 | | 6 | | 0,5 | 2 | 2 | 0 |
| 21 | 09138046 | CAO THANH | SANG | DH09TD | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 22 | 10173032 | NGUYỄN THỊ THU | THẢO | DH10GE | 1 | | 8 | | 2 | 3,8 | 3 | 8 |
| 23 | 10148245 | CÁI THỊ KIM | THÙY | DH10DD | 1 | | 9 | | 7 | 7,6 | 7 | 6 |
| ~~24~~ | ~~10148248~~ | ~~LÊ KIM~~ | ~~THÚY~~ | ~~DH10DD~~ | | | | | | | | |
| 25 | 10148244 | PHAN THỊ THANH | THÚY | DH10DD | 1 | | 7 | | 1 | 2,8 | 2 | 8 |
| 26 | 10173031 | PHAN THỊ THANH | TRÚC | DH10GE | 1 | | 8 | | 2 | 3,8 | 3 | 8 |
| 27 | 10148293 | VÕ THỊ THANH | TRÚC | DH10DD | 1 | | 8 | | 6 | 6,6 | 6 | 6 |
| ~~28~~ | ~~08137009~~ | ~~NGUYỄN THANH~~ | ~~TÙNG~~ | ~~DH08NL~~ | | | | | | | | |
| 29 | 10156089 | HUỲNH THỊ THÚY | VI | DH10VT | 1 | | 8 | | 4 | 5,2 | 5 | 2 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Số bài: 25 ...; Số tờ: 26 .....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Quốc Phương

Phạm Tiến Dũng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Mỹ Thiên Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Lan

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00756



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD101 **Nhóm Thi :** Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09117008 | NGUYỄN ĐỨC | BÌNH | DH09CT | | | 6 | | 2 | 3,2 | 3 | 2 |
| 2 | 10147019 | HỒ QUANG | ĐẠT | DH10QR | | | 6 | | 5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 3 | 10156015 | NGUYỄN NGỌC | GIỚI | DH10VT | | | 7 | | 8 | 7,7 | 7 | 7 |
| ~~4~~ | ~~10148065~~ | ~~NGUYỄN THỊ NGỌC~~ | ~~HẠNH~~ | ~~DH10DD~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 5 | 10115001 | ĐOÀN THỊ | HẠT | DH10CB | | | 7 | | 6 | 6,3 | 6 | 3 |
| 6 | 10147032 | NGUYỄN HỒNG | HIỆP | DH10QR | | | 6 | | 5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 7 | 09154020 | PHẠM BỬU | HIỆU | DH09OT | | | 6 | | 5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 8 | 10114014 | NGUYỄN TẤN | HƯNG | DH10LN | | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 9 | 10169039 | ĐÀO THIỆN | KHÁNH | DH10GN | | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 10 | 10156034 | LÊ TIẾN | KHOA | DH10VT | | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 11 | 10154019 | NGUYỄN KỲ | LÂN | DH10OT | | | 6 | | 5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 12 | 10115004 | NGUYỄN THỊ ÁI | LIÊN | DH10CB | | | 8 | | 5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 13 | 10148133 | NGUYỄN KIM | LOAN | DH10DD | | | 8 | | 8 | 8 | 8 | 0 |
| 14 | 10115017 | ĐOÀN VĂN | MẠNH | DH10CB | | | 7 | | 3 | 4,2 | 4 | 2 |
| 15 | 10156047 | HỒ THỊ KIM | NGÂN | DH10VT | | | 7 | | 6 | 6,3 | 6 | 3 |
| 16 | 10154099 | NGUYỄN THẾ | NHÂM | DH10OT | | | 7 | | 5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 17 | 10173030 | TRẦN PHẠM UYÊN | PHƯƠNG | DH10GE | | | 6 | | 5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 18 | 10147069 | ĐINH NHẬT | QUANG | DH10QR | | | 6 | | 5 | 5,3 | 5 | 3 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00756



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 | Ngày Thi : 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD101 | Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 (30%) | Đ2 (%) | Điểm thi (70%) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 10138028 | NGUYỄN TRỌNG | TÀI | DH10TD | | | 7 | | 7 | 7 | 7 | 0 |
| 20 | 09154095 | TRẦN HUY | THÀNH | DH09OT | | | 6 | | 3 | 3,9 | 3 | 9 |
| 21 | 10162007 | TRẦN THỊ THI | THI | DH10GE | | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| 22 | 10153040 | PHAN CHÍ | THIỆN | DH10CD | | | 6 | | 2 | 3,2 | 3 | 2 |
| 23 | 10156071 | TRƯƠNG THỊ MINH | THƠ | DH10VT | | | 8 | | 7 | 7,3 | 7 | 3 |
| 24 | 10117207 | LÝ MINH | THỦY | DH10CT | | | 8 | | 8 | 8 | 8 | 0 |
| 25 | 08125201 | NGUYỄN THỊ | THƯƠNG | DH08BQ | | | 6 | | 6 | 6 | 6 | 0 |
| ~~26~~ | ~~10112215~~ | ~~LÝ CÔNG NGUYÊN~~ | ~~TUẤN~~ | ~~DH10TY~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 27 | 10126235 | THỊ CẨM | VIỆT | DH10SH | | | 7 | | 4 | 4,9 | 4 | 9 |
| | | | | | | | | | | | 0 | 0 |
| | | | | | | | | | | | 0 | 0 |
| | | | | | | | | | | | 0 | 0 |
| | | | | | | | | | | | 0 | 0 |
| | | | | | | | | | | | 0 | 0 |
| | | | | | | | | | | | 0 | 0 |
| | | | | | | | | | | | 0 | 0 |
| | | | | | | | | | | | 0 | 0 |
| | | | | | | | | | | | 0 | 0 |
| | | | | | | | | | | | 0 | 0 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Lê Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00762



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~1~~ | ~~11148037~~ | ~~PHẠM TRẦN HỒNG~~ | ~~ANH~~ | ~~DH11TP~~ | | | | | | | | |
| 2 | 11148290 | LƯU THÁI | BẢO | DH11DD | | | | 10,0 | 8,5 | 9,0 | 9 | 0 |
| 3 | 11148002 | TRẦN THỊ NHƯ | BÌNH | DH11DD | | | | 7,5 | 8,0 | 7,9 | 7 | 9 |
| 4 | 11148284 | LÂM THỊ NGỌC | CHÂU | DH11DD | | | | 10,0 | 8,5 | 9,0 | 9 | 0 |
| ~~5~~ | ~~11148003~~ | ~~VƯƠNG THỊ MINH~~ | ~~CHÂU~~ | ~~DH11DD~~ | | | | | | | | |
| 6 | 11148291 | NGUYỄN THỊ MỸ | CHI | DH11DD | | | | 2,0 | 1,5 | 1,7 | 1 | 7 |
| 7 | 11148293 | VÕ ĐÌNH | CHƯƠNG | DH11DD | | | | 9,0 | 8,5 | 8,7 | 8 | 7 |
| 8 | 11148004 | TRẦN THỊ | DIỄM | DH11DD | | | | 5,0 | 7,5 | 6,8 | 6 | 8 |
| 9 | 11148005 | NGUYỄN THỊ HỒNG | DU | DH11DD | | | | 2,0 | 6,5 | 5,2 | 5 | 2 |
| 10 | 11148008 | NGUYỄN MẠNH | HÀ | DH11DD | | | | 8,0 | 4,5 | 5,6 | 5 | 6 |
| ~~11~~ | ~~11148099~~ | ~~NGUYỄN THỊ THU~~ | ~~HÀ~~ | ~~DH11TP~~ | | | | | | | | |
| 12 | 11148302 | NGÔ THỊ MỘNG | HẰNG | DH11DD | | | | 10,0 | 6,0 | 7,2 | 7 | 2 |
| 13 | 11148031 | NGUYỄN THỊ NGỌC | HÂN | DH11DD | | | | 4,0 | 3,5 | 3,7 | 3 | 7 |
| 14 | 11148303 | NGUYỄN QUỐC | HIỀN | DH11DD | | | | 9,0 | 4,0 | 5,5 | 5 | 5 |
| ~~15~~ | ~~11148009~~ | ~~NGUYỄN THỊ~~ | ~~HUỆ~~ | ~~DH11TP~~ | | | | | | | | |
| 16 | 11148010 | VŨ THÁI | HUYỀN | DH11DD | | | | 5,0 | 1,0 | 2,2 | 2 | 2 |
| 17 | 11148307 | HÀ THỊ THU | HƯƠNG | DH11DD | | | | 10,0 | 7,0 | 7,9 | 7 | 9 |
| 18 | 11148011 | NGUYỄN THỊ MAI | HƯƠNG | DH11DD | | | | 7,5 | 1,5 | 3,3 | 3 | 3 |

Số bài: 06 ; Số tờ: 26

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Hữu Trí

Lê Thị Thu Thủy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00762



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11148309 | NGUYỄN THANH | KHUÊ | DH11DD | | | | 9,0 | 2,0 | 4,1 | 4 | 1 |
| 20 | 11148310 | BÙI THỊ | LIỄU | DH11DD | | | | 10,0 | 9,0 | 9,3 | 9 | 3 |
| ~~21~~ | ~~11148313~~ | ~~LƯƠNG HỒNG~~ | ~~LỢI~~ | ~~DH11DD~~ | | | | | | | | |
| 22 | 11148316 | PHẠM TRÚC | LY | DH11DD | | | | 8,0 | 4,5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 23 | 11148318 | NGUYỄN THỊ | MỸ | DH11DD | | | | 8,0 | 3,5 | 4,9 | 4 | 9 |
| 24 | 11148013 | TRẦN THỊ | MY | DH11DD | | | | 9,0 | 8,0 | 8,3 | 8 | 3 |
| 25 | 10114102 | NGUYỄN TRỌNG | NAM | DH10LN | | | | 8,0 | 2,0 | 3,8 | 3 | 8 |
| 26 | 10119027 | VÕ TRỌNG | NGHĨA | DH10CC | | | | 8,0 | 1,0 | 3,1 | 3 | 1 |
| 27 | 11148015 | THÂN HUYỀN | NGỌC | DH11DD | | | | 9,0 | 1,5 | 3,8 | 3 | 8 |
| ~~28~~ | ~~08114141~~ | ~~NGUYỄN HỮU~~ | ~~NHẬT~~ | ~~DH08LN~~ | | | | | | | | |
| 29 | 11148323 | NGÔ THỊ MỸ | NHI | DH11DD | | | | 5,0 | 4,0 | 4,3 | 4 | 3 |
| 30 | 11148174 | LÊ TUYẾT | NHUNG | DH11DD | | | | 9,0 | 10,0 | 9,7 | 9 | 7 |
| 31 | 11148018 | BÙI THỊ QUỲNH | NHƯ | DH11DD | | | | 10,0 | 4,5 | 6,2 | 6 | 2 |
| 32 | 11148325 | NGÔ KIM | NỮ | DH11DD | | | | 9,0 | 1,5 | 3,8 | 3 | 8 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Số bài: 26 ; Số tờ: 26

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00779



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD504 **Nhóm Thi :** Nhóm 15 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11148153 | TRẦN NGUYỄN TUYẾT | MY | DH11DD | | | | 6,0 | 8,0 | 7,4 | 7 | 4 |
| 2 | 11148154 | CHU NGỌC | NAM | DH11DD | | | | 10,0 | 4,0 | 5,8 | 5 | 8 |
| 3 | 11148157 | ĐẶNG CHÂU THÁI | NGÂN | DH11DD | | | | 10,0 | 7,0 | 7,9 | 7 | 9 |
| 4 | 11148158 | NGUYỄN THU | NGÂN | DH11DD | | | | 9,5 | 8,5 | 8,8 | 8 | 8 |
| 5 | 11148161 | NAY MINH | NGỌC | DH11DD | | | | 4,0 | 4,0 | 4,0 | 4 | 0 |
| 6 | 11148169 | LÊ THỊ THẢO | NHI | DH11DD | | | | 1,0 | 5,0 | 3,8 | 3 | 8 |
| 7 | 11148173 | PHẠM HUỲNH NGỌC | NHI | DH11DD | | | | 9,0 | 7,5 | 8,0 | 8 | 0 |
| 8 | 11148177 | HOÀNG THỊ | NI | DH11DD | | | | 5,0 | 3,5 | 4,0 | 4 | 0 |
| 9 | 11148178 | LÊ THỊ HÀ | NI | DH11DD | | | | 10,0 | 7,0 | 7,9 | 7 | 9 |
| 10 | 11148179 | NGUYỄN THỊ | NƠ | DH11DD | | | | 4,0 | 8,0 | 6,8 | 6 | 8 |
| 11 | 11148180 | NGUYỄN THỊ KIM | OANH | DH11DD | | | | 4,0 | 5,0 | 4,7 | 4 | 7 |
| 12 | 11148182 | BÙI VĂN | PHÁT | DH11DD | | | | 3,0 | 5,0 | 4,4 | 4 | 4 |
| 13 | 11148191 | LÊ THỊ HỒNG | PHƯỚC | DH11DD | | | | 9,0 | 2,5 | 4,5 | 4 | 5 |
| 14 | 11148187 | BÙI THỊ THANH | PHƯƠNG | DH11DD | | | | 8,0 | 6,5 | 7,0 | 7 | 0 |
| 15 | 11148189 | LÊ THU | PHƯƠNG | DH11DD | | | | 10,0 | 6,5 | 7,6 | 7 | 6 |
| 16 | 11148044 | NGUYỄN THỊ | PHƯƠNG | DH11DD | | | | 0,0 | 3,5 | 2,5 | 2 | 5 |
| 17 | 11148192 | NGUYỄN ĐÌNH | QUANG | DH11DD | | | | 9,0 | 5,5 | 6,6 | 6 | 6 |
| 18 | 11148196 | THÁI HOÀNG | QUÂN | DH11DD | | | | | | | 0 | 0 |

Số bài:...33.....; Số tờ:...33.....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Hà

Tín nhật

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ms Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00779



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 **Giờ thi:** 07g00 - **phút** Phòng thi RD504 **Nhóm Thi :** Nhóm 15 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11148203 | NGUYỄN HUỲNH THANH | QUÍ | DH11DD | | | | 9,0 | 7,5 | 8,0 | 8 | 0 |
| 20 | 11148202 | NGUYỄN VĂN | QUÝ | DH11DD | | | | 4,0 | 4,0 | 4,0 | 4 | 0 |
| 21 | 11148198 | PHẠM MINH | QUYẾT | DH11DD | | | | | | | | |
| 22 | 11148199 | LÊ THỊ | QUỲNH | DH11DD | | | | 4,0 | 7,5 | 6,5 | 6 | 5 |
| 23 | 11148200 | NGUYỄN THỊ NGỌC | QUỲNH | DH11DD | | | | | | | | |
| 24 | 11148201 | TRƯƠNG THỊ NHƯ | QUỲNH | DH11DD | | | | 4,0 | 3,5 | 3,7 | 3 | 7 |
| 25 | 11148206 | NGUYỄN THỊ LAN | THANH | DH11DD | | | | 10,0 | 5,5 | 6,9 | 6 | 9 |
| 26 | 11148207 | CHU THỊ THANH | THẢO | DH11DD | | | | 1,0 | 2,5 | 2,1 | 2 | 1 |
| 27 | 11148209 | HOÀNG THỊ | THẢO | DH11DD | | | | 9,0 | 4,0 | 5,5 | 5 | 5 |
| 28 | 11148212 | LÊ THỊ | THẮM | DH11DD | | | | | | | | |
| 29 | 11148213 | NGUYỄN THỊ HỒNG | THẮM | DH11DD | | | | 0,0 | 3,0 | 2,1 | 2 | 1 |
| 30 | 11148216 | NGUYỄN TRƯỜNG | THỌ | DH11DD | | | | 9,5 | 4,0 | 5,7 | 5 | 7 |
| 31 | 11148217 | VŨ KIẾN | THÔNG | DH11TP | | | | | | | | |
| 32 | 11148218 | HUỲNH THỊ NGỌC | THƠ | DH11DD | | | | 1,0 | 7,0 | 5,2 | 5 | 2 |
| 33 | 11148219 | LÊ THỊ | THU | DH11DD | | | | 4,0 | 4,0 | 4,0 | 4 | 0 |
| 34 | 11148220 | TRẦN LỆ | THU | DH11DD | | | | 9,0 | 10,0 | 9,7 | 9 | 7 |
| 35 | 11148221 | NGUYỄN ĐÌNH | THUẬN | DH11DD | | | | 9,0 | 6,5 | 7,3 | 7 | 3 |
| 36 | 11148222 | NGUYỄN THỊ NGỌC | THỦY | DH11DD | | | | 8,0 | 7,5 | 5,9 | 5 | 9 |

Số bài: 33 ; Số tờ: 33

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Hà

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00779



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD504 **Nhóm Thi :** Nhóm 15 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 37 | 11148046 | LÊ THỊ THÙY | TRANG | DH11DD | | | | 5,0 | 8,5 | 7,5 | 7 | 5 |
| 38 | 11148048 | PHAN THỊ | YẾN | DH11DD | | | | 9,5 | 8,5 | 8,8 | 8 | 8 |

Số bài: 33 ; Số tờ: 33

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Hà

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00776



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD404 Nhóm Thi : Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 10117004 | NGUYỄN THỊ MỸ | ÁNH | DH10CT | 1 | | | 6,0 | 6,0 | 6,0 | 6 | 0 |
| 2 | 10344033 | DƯƠNG KỲ | ÂN | CD10CI | 1 | | | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3 | 0 |
| 3 | 10138002 | DƯƠNG VĂN | ĐẠI | DH10TD | 1 | | | 5,0 | 4,0 | 4,3 | 4 | 3 |
| 4 | 10125051 | TRẦN THỊ THÚY | HẰNG | DH10BQ | 1 | | | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3 | 0 |
| 5 | 10153011 | NGUYỄN PHƯỚC | HẬU | DH10CD | 1 | | | 2,5 | 1,0 | 1,5 | 1 | 5 |
| 6 | 10125056 | LÊ THỊ DIỆU | HIỀN | DH10BQ | 1 | | | 6,0 | 4,0 | 4,6 | 4 | 6 |
| 7 | 10344046 | ĐẶNG ĐỨC | HIẾU | CD10CI | 1 | | | 3,0 | 4,0 | 3,7 | 3 | 7 |
| 8 | 10137002 | THÁI NGUYỄN NGỌC | HÒA | DH10NL | 2 | | | 2,0 | 3,0 | 2,7 | 2 | 7 |
| 9 | 10154069 | NGUYỄN CẢNH | HOÀNG | DH10OT | 1 | | | 6,0 | 5,5 | 5,7 | 5 | 7 |
| 10 | 10112063 | NGUYỄN HOÀNG KHIẾT | HUY | DH10TY | 1 | | | 1,0 | 2,5 | 2,1 | 2 | 1 |
| 11 | 08154010 | NGUYỄN TÂN | HUY | DH08OT | 1 | | | 4,0 | 3,0 | 3,3 | 3 | 3 |
| ~~12~~ | ~~10126069~~ | ~~PHẠM VĂN~~ | ~~LÂN~~ | ~~DH10SH~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 13 | 08160088 | NGUYỄN KHÁNH | LINH | DH10BQ | 1 | | | 4,0 | 5,0 | 4,7 | 4 | 7 |
| 14 | 10126078 | ĐỖ CHIẾN | LỘC | DH10SH | 1 | | | 5,0 | 7,0 | 6,4 | 6 | 4 |
| 15 | 10137005 | VÕ VĂN | LỢI | DH10NL | 1 | | | 4,0 | 5,5 | 5,1 | 5 | 1 |
| 16 | 10154021 | NGUYỄN THÀNH | LUÂN | DH10OT | 1 | | | 7,0 | 6,0 | 6,3 | 6 | 3 |
| 17 | 09126121 | LÊ NGUYỄN TẤN | LỰC | DH09SH | 1 | | | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3 | 0 |
| ~~18~~ | ~~09126124~~ | ~~TRƯƠNG NHẬT~~ | ~~MINH~~ | ~~DH10SH~~ | | | | | | | 0 | 0 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 26

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Trương Thị Ngọc Yến

Trương Thị Ngọc Vân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ms Triệu Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00776



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD404 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 09134006 | TRẦN TUẤN | NAM | DH09GB | 1 | | | 0,0 | 3,0 | 2,1 | 2 | 1 |
| 20 | 08126133 | NGUYỄN THỊ KIM | NGÂN | DH08SH | 1 | | | 0,0 | 2,0 | 1,4 | 1 | 4 |
| 21 | 10148168 | THÂN THỊ | NGỌC | DH10DD | 1 | | | 9,0 | 5,5 | 6,6 | 6 | 6 |
| 22 | 10148181 | TRẦN THỊ CẨM | NHUNG | DH10DD | 1 | | | 8,0 | 3,0 | 4,5 | 4 | 5 |
| 23 | 10126112 | VŨ PHẠM HỒNG | NHUNG | DH10SH | 1 | | | 4,0 | 6,0 | 5,4 | 5 | 4 |
| 24 | 10126117 | HUỲNH TẤN | PHI | DH10SH | 1 | | | 1,0 | 3,5 | 2,8 | 2 | 8 |
| 25 | 10125140 | TRẦN XUÂN | QUANG | DH10BQ | 1 | | | 4,0 | 1,5 | 2,3 | 2 | 3 |
| 26 | 08147160 | HỒ MINH | QUÝ | DH08QR | 1 | | | 0,0 | 1,0 | 0,7 | 0 | 7 |
| 27 | 10138012 | NGUYỄN ĐÌNH | QUYỀN | DH10TD | 1 | | | 10,0 | 4,0 | 5,8 | 5 | 8 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 26

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00763



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11148042 | NGUYỄN THỊ | NỮ | DH11DD | 1 | | | 4,0 | 3,0 | 3,3 | 3 | 3 |
| 2 | 11148326 | TRẦN THỊ | OANH | DH11DD | 1 | | | 1,0 | 4,0 | 3,1 | 3 | 1 |
| 3 | 11148019 | ĐOÀN MINH | PHỤNG | DH11DD | 1 | | | 0,0 | 4,0 | 2,8 | 2 | 8 |
| 4 | 11148020 | HỈNH ỨC | PHƯƠNG | DH11DD | 1 | | | 8,0 | 8,5 | 8,4 | 8 | 4 |
| 5 | 11148329 | NGUYỄN THỊ | QUÝ | DH11DD | 1 | | | 7,5 | 6,0 | 6,5 | 6 | 5 |
| ~~6~~ | ~~11148383~~ | ~~SƠN ĐA~~ | ~~RA~~ | DH11DD | | | | | | | | |
| 7 | 11148022 | VŨ NGUYÊN HOÀI | SƯƠNG | DH11DD | 1 | | | 3,0 | 5,0 | 4,4 | 4 | 4 |
| 8 | 09148139 | TRẦN THỊ HOÀNG | THANH | DH09DD | 1 | | | 8,0 | 3,0 | 4,5 | 4 | 5 |
| 9 | 11148286 | ĐẶNG BÉ | THÀNH | DH11DD | 1 | | | 10,0 | 3,5 | 5,5 | 5 | 5 |
| 10 | 11148333 | TRƯƠNG THỊ THU | THẢO | DH11DD | 1 | | | 3,0 | 7,5 | 6,2 | 6 | 2 |
| 11 | 10117190 | NGUYỄN CÔNG | THẮNG | DH10CT | 1 | | | 9,0 | 6,5 | 7,3 | 7 | 3 |
| 12 | 10147085 | NGUYỄN VĂN | THÂN | DH10QR | 1 | | | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0 | 0 |
| 13 | 11148038 | LỮ THỊ CẨM | THI | DH11DD | 1 | | | 9,0 | 5,5 | 6,6 | 6 | 6 |
| 14 | 11148336 | TRẦN THỊ MINH | THOA | DH11DD | 1 | | | 9,0 | 4,0 | 5,5 | 5 | 5 |
| 15 | 11148024 | VÕ HUỲNH QUYÊN | THÙY | DH11DD | 1 | | | 9,5 | 4,5 | 6,0 | 6 | 0 |
| 16 | 11148223 | NGUYỄN THỊ THANH | THỦY | DH11DD | 1 | | | 10,0 | 7,0 | 7,9 | 7 | 9 |
| 17 | 11148287 | TRẦN THỊ THU | THỦY | DH11DD | 1 | | | 6,0 | 5,0 | 5,3 | 5 | 3 |
| 18 | 11148224 | BÙI THỊ | THÚY | DH11DD | 1 | | | 10,0 | 4,5 | 6,2 | 6 | 2 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Phan Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ms Trần Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00763



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11148225 | ĐOÀN THỊ | THÚY | DH11DD | 1 | | | 9,0 | 8,5 | 8,7 | 8 | 7 |
| 20 | 11148227 | TRẦN THỊ THANH | THÚY | DH11DD | 1 | | | 5,0 | 2,5 | 3,3 | 3 | 3 |
| 21 | 11148228 | CHÂU NGỌC ANH | THƯ | DH11DD | 1 | | | 7,5 | 5,5 | 6,1 | 6 | 1 |
| 22 | 11148229 | NGUYỄN THỊ ANH | THƯ | DH11DD | 1 | | | 2,0 | 4,0 | 3,4 | 3 | 4 |
| 23 | 11148026 | TRẦN THỊ ANH | THƯ | DH11DD | 1 | | | 10,0 | 5,5 | 6,9 | 6 | 9 |
| 24 | 11148340 | LÊ THỊ MỸ | THƯƠNG | DH11DD | 1 | | | 9,0 | 6,5 | 7,3 | 7 | 3 |
| 25 | 11148027 | NGUYỄN THỊ KIỀU | TIÊN | DH11DD | 1 | | | 3,0 | 6,0 | 5,1 | 5 | 1 |
| 26 | 11148234 | TRẦN THỊ VƯƠNG THÙ | TIÊN | DH11DD | 1 | | | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3 | 0 |

Số bài:...25.....; Số tờ:...25.....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Phan Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ms Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00778



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD503 **Nhóm Thi :** Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11148056 | VY NGỌC | ÂN | DH11DD | 1 | | | 3,0 | 2,5 | 2,7 | 2 | 7 |
| ~~2~~ | ~~11148057~~ | ~~TRẦN HOÀI~~ | ~~BẢO~~ | ~~DH11DD~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 3 | 11148060 | ĐOÀN THỊ THU | BÍCH | DH11DD | 1 | | | 8,0 | 7,0 | 7,3 | 7 | 3 |
| 4 | 11148058 | HOÀNG QUANG | BÌNH | DH11DD | 1 | | | 8,0 | 2,0 | 3,8 | 3 | 8 |
| ~~5~~ | ~~11148059~~ | ~~TRẦN PHƯƠNG~~ | ~~BÌNH~~ | ~~DH11DD~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 6 | 11148063 | LÊ THỊ HỒNG | CẨM | DH11DD | 1 | | | 6,0 | 10,0 | 8,8 | 8 | 8 |
| 7 | 11148064 | LÊ THỤY SONG | CHÂU | DH11DD | 1 | | | 9,0 | 9,0 | 9,0 | 9 | 0 |
| 8 | 11148066 | VƯƠNG THỊ MINH | CHÂU | DH11DD | 1 | | | 8,0 | 8,5 | 8,4 | 8 | 4 |
| 9 | 11148067 | ĐINH VÕ NGỌC | CHI | DH11DD | 1 | | | 1,0 | 8,5 | 6,3 | 6 | 3 |
| 10 | 11148068 | NGUYỄN THỊ BÍCH | CHI | DH11DD | 1 | | | 10,0 | 7,0 | 7,9 | 7 | 9 |
| 11 | 11148069 | PHẠM THỊ KIM | CHI | DH11DD | 1 | | | 9,0 | 5,5 | 6,6 | 6 | 6 |
| 12 | 11148074 | PHẠM CAO | CƯỜNG | DH11DD | 1 | | | 4,5 | 5,0 | 4,9 | 4 | 9 |
| 13 | 11148082 | NGUYỄN THỊ | DUNG | DH11DD | 1 | | | 3,0 | 7,0 | 5,8 | 5 | 8 |
| 14 | 11148085 | HUỲNH THỊ MỸ | DUYÊN | DH11DD | 1 | | | 5,0 | 8,5 | 7,5 | 7 | 5 |
| 15 | 11148089 | NGUYỄN NGỌC | ĐIỆP | DH11DD | 1 | | | 10,0 | 5,0 | 6,5 | 6 | 5 |
| 16 | 11148091 | TRẦN NGUYỄN MINH | ĐOÀN | DH11DD | 1 | | | 1,0 | 10,0 | 7,3 | 7 | 3 |
| 17 | 11148092 | NGUYỄN TRÍ | ĐỨC | DH11DD | 1 | | | 10,0 | 10,0 | 10,0 | 10 | 0 |
| 18 | 11148094 | PHAN VŨ TRÚC | GIANG | DH11DD | 1 | | | 1,0 | 6,5 | 4,9 | 4 | 9 |

Số bài: 33 ; Số tờ: 33

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Văn Thay

N.T.Hà Vy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Nguyễn Thái Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hưng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00778



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD503 **Nhóm Thi :** Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11148098 | NGUYỄN THỊ | HÀ | DH11DD | 1 | | | 3,0 | 6,5 | 5,5 | 5 | 5 |
| 20 | 11148103 | NGUYỄN THỊ MỸ | HẠNH | DH11DD | 1 | | | 3,0 | 5,5 | 4,8 | 4 | 8 |
| 21 | 11148105 | NGUYỄN PHẠM NGUYÊN | HẰNG | DH11DD | 1 | | | 8,0 | 4,5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 22 | 11148107 | LÊ CÔNG | HẬU | DH11DD | 1 | | | 4,0 | 3,0 | 3,3 | 3 | 3 |
| 23 | 11148110 | LÊ THỊ THU | HIỀN | DH11DD | 1 | | | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5 | 0 |
| 24 | 11148111 | NGUYỄN THỊ | HIỀN | DH11DD | 1 | | | 1,0 | 4,0 | 3,1 | 3 | 1 |
| ~~25~~ | ~~11148118~~ | ~~DƯƠNG VĂN~~ | ~~HUẤN~~ | ~~DH11DD~~ | | | | | | | | |
| ~~26~~ | ~~11148119~~ | ~~LÊ KHẮC~~ | ~~HUY~~ | ~~DH11DD~~ | | | | | | | | |
| 27 | 11148121 | VÕ THỊ | HUYỀN | DH11DD | 1 | | | 7,0 | 8,0 | 7,7 | 7 | 7 |
| 28 | 11148124 | PHẠM NGUYỄN QUỲNH | HƯƠNG | DH11DD | 1 | | | 9,0 | 5,5 | 6,6 | 6 | 6 |
| 29 | 11148125 | TRẦN THỊ | HƯƠNG | DH11DD | 1 | | | 8,0 | 10,0 | 9,4 | 9 | 4 |
| ~~30~~ | ~~11148133~~ | ~~ĐẶNG THỊ KIM~~ | ~~LIÊN~~ | ~~DH11TP~~ | | | | | | | | |
| 31 | 11148135 | CAO THỊ THÙY | LINH | DH11DD | 1 | | | 5,0 | 2,5 | 3,3 | 3 | 3 |
| 32 | 11148139 | TRẦN THỊ THÙY | LINH | DH11DD | 1 | | | 7,5 | 10,0 | 9,3 | 9 | 3 |
| 33 | 11148142 | TRƯƠNG HUỲNH KIỀU | LOAN | DH11DD | 1 | | | 9,0 | 9,5 | 9,4 | 9 | 4 |
| 34 | 11148143 | HỒ PHI | LONG | DH11DD | 1 | | | 8,5 | 7,0 | 7,5 | 7 | 5 |
| 35 | 11148144 | VÕ THANH | LỘC | DH11DD | 1 | | | 0,0 | 3,0 | 2,1 | 2 | 1 |
| 36 | 11148148 | NGUYỄN THỊ | LUYẾN | DH11DD | 1 | | | 9,0 | 6,0 | 6,9 | 6 | 9 |

Số bài: 33 ; Số tờ: 33

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Văn Trọng

N.T. Hà Vy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00778



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD503 **Nhóm Thi :** Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~37~~ | ~~11148150~~ | ~~NGUYỄN CHÍ~~ | ~~MÃI~~ | ~~DH11DD~~ | | | | | | | 0 | |
| 38 | 11148151 | NGUYỄN THỊ DIỄM | MY | DH11DD | 1 | | | 9,0 | 10,0 | 9,7 | 9 | 7 |
| 39 | 11148152 | NGUYỄN TRẦN HOÀNG | MY | DH11DD | 1 | | | 0,0 | 1,5 | 1,1 | 1 | 1 |

Số bài:....33....; Số tờ:....33...

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Văn Trọng

N. T. Hà Vy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Mỹ Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hưng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 03272



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD100 **Nhóm Thi :** Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11153006 | HUỲNH VŨ | AN | DH11CD | 1 | | | 9,0 | 8,0 | 8,3 | 8 | 3 |
| | [illegible]4002 | NGUYỄN THANH | AN | CD11CI | 1 | | | 2,0 | 8,0 | 6,2 | 6 | 2 |
| 3 | 10147002 | NGÔ THỊ VÂN | ANH | DH10QR | 1 | | | 0,0 | 2,0 | 1,4 | 1 | 4 |
| 4 | 10148006 | NGUYỄN THỊ VÂN | ANH | DH10DD | 1 | | | 9,0 | 6,0 | 6,9 | 6 | 9 |
| 5 | 11344001 | NGUYỄN VIỆT | ANH | CD11CI | 1 | | | 0,0 | 6,0 | 4,2 | 4 | 2 |
| 6 | 11344004 | ĐOÀN VŨ THIÊN | ÂN | CD11CI | 1 | | | 6,0 | 7,5 | 7,1 | 7 | 1 |
| 7 | 11344055 | NGUYỄN THANH | BÌNH | CD11CI | 1 | | | 1,0 | 7,0 | 5,2 | 5 | 2 |
| ~~8~~ | ~~11153011~~ | ~~NGUYỄN TRUNG~~ | ~~CHÁNH~~ | ~~DH11CD~~ | | | | | | | 0 | |
| 9 | 11153012 | BÙI THÁI | CHINH | DH11CD | 1 | | | 9,0 | 6,0 | 6,9 | 6 | 9 |
| 10 | 09153043 | NGUYỄN TẤN | CƯỜNG | DH09CD | 1 | | | 0,0 | 4,5 | 3,2 | 3 | 2 |
| ~~11~~ | ~~11344007~~ | ~~TRỊNH XUÂN~~ | ~~CƯỜNG~~ | ~~CD11CI~~ | | | | | | | 0 | |
| 12 | 10125028 | TRẦN THỊ MỸ | DIỄM | DH10BQ | 1 | | | 7,0 | 5,0 | 5,6 | 5 | 6 |
| 13 | 11153001 | NGUYỄN ĐỨC | DUY | DH11CD | 1 | | | 8,0 | 5,5 | 6,3 | 6 | 3 |
| 14 | 11153018 | ĐINH PHÚC | ĐẠI | DH11CD | 1 | | | 5,0 | 6,0 | 5,7 | 5 | 7 |
| 15 | 11344069 | HÀ NGỌC | ĐẠT | CD11CI | 1 | | | 0,0 | 6,0 | 4,2 | 4 | 2 |
| 16 | 11118004 | NGUYỄN MỘNG | ĐẠT | DH11CC | 1 | | | 9,0 | 6,0 | 6,9 | 6 | 9 |
| 17 | 11153038 | LÊ HẢI | ĐĂNG | DH11CD | 1 | | | 10,0 | 5,5 | 6,9 | 6 | 9 |
| 18 | 11153016 | TRẦN THANH HIẾU | ĐỄ | DH11CD | 1 | | | 6,0 | 5,0 | 5,3 | 5 | 3 |

Số bài: 148 ; Số tờ: 127

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Võ Mỹ T. Kiều Hường

Trần Thị Kim Hà

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Thiều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hưng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Vũ Thị Quỳnh My

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 03272



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD100 **Nhóm Thi :** Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11344022 | NGUYỄN HOÀNG | ĐIỆP | CD11CI | 1 | | | 7,0 | 3,0 | 4,2 | 4 | 2 |
| 20 | 11137002 | LÊ NGỌC | ĐỨC | DH11CD | 1 | | | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7 | 0 |
| 21 | 11344017 | NGUYỄN TRUNG | ĐỨC | CD11CI | 1 | | | 2,0 | 4,0 | 3,4 | 3 | 4 |
| ~~22~~ | ~~11344012~~ | ~~TRẦN MINH~~ | ~~ĐỨC~~ | ~~CD11CI~~ | | | | | | | | |
| 23 | 11344011 | LÊ LONG HOÀNG | GIA | CD11CI | 1 | | | 4,0 | 7,0 | 6,1 | 6 | 1 |
| 24 | 11119006 | TRẦN VŨ NGÂN | GIANG | DH11CC | 1 | | | 3,0 | 2,0 | 2,3 | 2 | 3 |
| 25 | 11344046 | NGUYỄN VĂN | HÀ | CD11CI | 1 | | | 0,0 | 2,0 | 1,4 | 1 | 4 |
| 26 | 11344024 | ĐINH VĂN | HẢI | CD11CI | 1 | | | 2,0 | 3,0 | 2,7 | 2 | 7 |
| 27 | 10138007 | PHẠM NGỌC | HẢI | DH10TD | 1 | | | 3,0 | 4,0 | 3,7 | 3 | 7 |
| 28 | 11344013 | PHAN NGUYỄN PHÚC | HẬU | CD11CI | 1 | | | 1,0 | 5,0 | 3,8 | 3 | 8 |
| ~~29~~ | ~~11153026~~ | ~~PHAN TRUNG~~ | ~~HẬU~~ | ~~DH11CD~~ | | | | | | | | |
| 30 | 10147028 | PHẠM THỊ | HIỀN | DH10QR | 1 | | | 3,0 | 5,5 | 4,8 | 4 | 8 |
| ~~31~~ | ~~10138016~~ | ~~BÙI VĂN PHÚC~~ | ~~HIỂN~~ | ~~DH10TD~~ | | | | | | | | |
| 32 | 10146081 | NGUYỄN THỊ | HIỀN | DH10NK | 1 | | | 1,0 | 7,5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 33 | 11153023 | TRẦN QUỐC | HIỆP | DH11CD | 1 | | | 0,0 | 2,0 | 1,4 | 1 | 4 |
| ~~34~~ | ~~11344015~~ | ~~TRẦN VĂN~~ | ~~HIẾU~~ | ~~CD11CI~~ | | | | | | | | |
| 35 | 11344021 | NGUYỄN THỊ | HOA | CD11CI | 1 | | | 3,0 | 2,5 | 2,7 | 2 | 7 |
| 36 | 11153021 | NGUYỄN VĂN | HÒA | DH11CD | 1 | | | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3 | 0 |

Số bài: 126 ; Số tờ: 127

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Võ Mạnh Hưng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 03272



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD100 **Nhóm Thi :** Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 37 | 11153007 | UNG MINH | HOAN | DH11CD | 1 | | | 9,0 | 5,0 | 6,2 | 6 | 2 |
| 38 | 09138028 | NGUYỄN MẠNH | HOÀN | DH09TD | 1 | | | 6,0 | 5,0 | 5,3 | 5 | 3 |
| 39 | 11344020 | TRẦN VĂN | HỒ | CD11CI | 1 | | | 0,0 | 1,0 | 0,7 | 0 | 7 |
| ~~40~~ | ~~11344064~~ | ~~LÊ GIA~~ | ~~HUẤN~~ | ~~CD11CI~~ | | | | | | | | |
| 41 | 11137004 | BÙI MẠNH | HÙNG | DH11CC | 1 | | | 9,0 | 8,0 | 8,3 | 8 | 3 |
| ~~42~~ | ~~11153017~~ | ~~NGUYỄN VĂN~~ | ~~HÙNG~~ | ~~DH11CD~~ | | | | | | | | |
| 43 | 11153024 | NGUYỄN VIẾT | HÙNG | DH11CD | 1 | | | 6,0 | 2,5 | 3,6 | 3 | 6 |
| 44 | 11118001 | ĐÀO THANH | HUY | DH11CC | 1 | | | 7,0 | 4,0 | 4,9 | 4 | 9 |
| 45 | 11344023 | LÊ VĂN | HUY | CD11CI | 1 | | | 0,0 | 3,0 | 2,1 | 2 | 1 |
| 46 | 11153003 | NGUYỄN XUÂN | HUY | DH11CD | 1 | | | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3 | 0 |
| 47 | 10137053 | TRẦN THANH | HUY | DH10NL | 1 | | | 9,0 | 5,0 | 6,2 | 6 | 2 |
| 48 | 11119007 | NGUYỄN PHƯỚC | HƯNG | DH11CC | 1 | | | 3,0 | 7,5 | 6,2 | 6 | 2 |
| 49 | 11119005 | ĐOÀN THỊ | HƯƠNG | DH11CC | 1 | | | 6,0 | 7,5 | 7,1 | 7 | 1 |
| 50 | 09138031 | PHẠM VĂN | IÊM | DH09TD | 1 | | | 6,0 | 3,5 | 4,3 | 4 | 3 |
| 51 | 11118010 | SENG ALOUN | KASEUTHSOUK | DH11CK | 1 | | | 1,0 | 4,0 | 3,1 | 3 | 1 |
| 52 | 11344062 | TRẦN MINH | KHA | CD11CI | 1 | | | 0,0 | 3,0 | 2,1 | 2 | 1 |
| 53 | 11153019 | LÊ HOÀNG | KHẢI | DH11CD | 1 | | | 1,0 | 7,0 | 5,2 | 5 | 2 |
| ~~54~~ | ~~11119004~~ | ~~HOÀNG VĂN~~ | ~~KHANG~~ | ~~DH11CC~~ | | | | | | | | |

Số bài: 12 ; Số tờ: 12

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng T. Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 03272



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD100 **Nhóm Thi :** Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 55 | 11344027 | NGUYỄN HOÀNG XUÂN | KHANG | CD11CI | 1 | | | 1,0 | 6,5 | 4,9 | 4 | 9 |
| 56 | 11137006 | TRẦN VĂN | KHANH | DH11CC | 1 | | | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7 | 0 |
| ~~57~~ | ~~11344009~~ | ~~TRIỆU NGỌC~~ | ~~KHÁNH~~ | ~~CD11CI~~ | | | | | | | | |
| 58 | 11344026 | QUẢNG ĐẠI | KHẨM | CD11CI | 1 | | | 1,0 | 5,0 | 3,8 | 3 | 8 |
| 59 | 10147044 | TRẦN VĂN | KIÊN | DH10QR | 1 | | | 5,0 | 5,5 | 5,4 | 5 | 4 |
| 60 | 11344028 | VÕ NGỌC | LAM | CD11CI | 1 | | | 6,0 | 4,0 | 4,6 | 4 | 6 |
| ~~61~~ | ~~11153022~~ | ~~NGÔ TÙNG~~ | ~~LÂM~~ | ~~DH11CD~~ | | | | | | | | |
| 62 | 11119001 | NGUYỄN NGỌC | LÂM | DH11CC | 1 | | | 8,0 | 4,5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 63 | 11344056 | NGUYỄN VĂN | LÂN | CD11CI | 2 | | | 0,0 | 4,0 | 2,8 | 2 | 8 |
| 64 | 11119008 | HỒ TÀI | LINH | DH11CC | 1 | | | 8,0 | 5,0 | 5,9 | 5 | 9 |
| 65 | 10170005 | TRẦN VŨ KHÁNH | LINH | DH10KL | 1 | | | 7,0 | 8,5 | 8,1 | 8 | 1 |
| 66 | 10139117 | PHẠM NGUYÊN ĐĂNG | LONG | DH10HH | 1 | | | 6,0 | 7,5 | 7,1 | 7 | 1 |
| 67 | 11137008 | ĐẶNG PHÚC | LỘC | DH11CD | 1 | | | 6,0 | 7,0 | 6,7 | 6 | 7 |
| 68 | 09126286 | THẠCH | LỜI | DH09SH | 1 | | | 7,0 | 4,0 | 4,9 | 4 | 9 |
| 69 | 11344060 | NGUYỄN XUÂN THẮNG | LỢI | CD11CI | 1 | | | 4,0 | 2,0 | 2,6 | 2 | 6 |
| 70 | 11153036 | NGUYỄN HỮU | LUÂN | DH11CD | 1 | | | 4,0 | 7,0 | 6,1 | 6 | 1 |
| 71 | 11344061 | HÀ TẤN | LỰC | CD11CI | 1 | | | 5,0 | 2,5 | 3,3 | 3 | 3 |
| 72 | 10154022 | NGUYỄN VĂN | LỰC | DH10OT | 1 | | | 1,0 | 2,0 | 1,7 | 1 | 7 |

Số bài: 12.5 ; Số tờ: 12.7

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Võ Mạnh Hưng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 03272



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD100 **Nhóm Thi :** Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~73~~ | ~~11153025~~ | ~~HUỲNH CÔNG~~ | ~~LÝ~~ | ~~DH11CD~~ | | | | | | | 0 | |
| 74 | 11344057 | TRẦN QUANG | MẪN | CD11CI | 1 | | | 2,0 | 0,0 | 0,6 | 0 | 6 |
| 75 | 11344031 | NGUYỄN HOÀNG | MINH | CD11CI | 1 | | | 2,0 | 3,0 | 2,7 | 2 | 7 |
| 76 | 11344063 | TRIỀU CÁ | MÙN | CD11CI | 1 | | | 0,0 | 4,0 | 2,8 | 2 | 8 |
| 77 | 11344034 | TRẦN HOÀNG | MỸ | CD11CI | 1 | | | 6,0 | 4,0 | 4,6 | 4 | 6 |
| 78 | 11153027 | BÙI CÔNG | NAM | DH11CD | 1 | | | 7,0 | 2,0 | 3,5 | 3 | 5 |
| 79 | 10154071 | NGUYỄN KHOA | NAM | DH10OT | 1 | | | 4,0 | 2,0 | 2,6 | 2 | 6 |
| 80 | 11344035 | NGUYỄN KHOA | NAM | CD11CI | 1 | | | 1,0 | 2,0 | 1,7 | 1 | 7 |
| ~~81~~ | ~~07117099~~ | ~~NGUYỄN KIM~~ | ~~NGÂN~~ | ~~DH08CT~~ | | | | | | | 0 | |
| 82 | 11153034 | ĐẶNG TRUNG | NGHĨA | DH11CD | 1 | | | 2,0 | 3,0 | 2,7 | 2 | 7 |
| 83 | 10137043 | ĐỖ TRỌNG | NGHĨA | CD11CI | 1 | | | 2,0 | 3,0 | 2,7 | 2 | 7 |
| 84 | 11344048 | LÊ VĂN | NGOÃN | CD11CI | 1 | | | 3,0 | 4,0 | 3,7 | 3 | 7 |
| 85 | 10154025 | ĐOÀN ĐỨC | NGUYÊN | DH10OT | 1 | | | 9,0 | 4,0 | 5,5 | 5 | 5 |
| 86 | 11344030 | LÊ MINH | NHÂN | CD11CI | 1 | | | 4,0 | 3,0 | 3,3 | 3 | 3 |
| 87 | 10154027 | PHAN XUÂN | NHẬT | DH10OT | 1 | | | 0,0 | 2,0 | 1,4 | 1 | 4 |
| 88 | 11153008 | NGUYỄN ĐÌNH | NHƠN | DH11CD | 1 | | | 2,0 | 6,0 | 4,8 | 4 | 8 |
| 89 | 11344066 | LÊ TẤN | PHÁT | CD11CI | 1 | | | 3,0 | 5,0 | 4,4 | 4 | 4 |
| 90 | 11137001 | NGUYỄN MINH | PHÁT | DH11CD | 1 | | | 4,0 | 6,0 | 5,4 | 5 | 4 |

Số bài:...126...; Số tờ:...127...

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 03272



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD100 **Nhóm Thi :** Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 91 | 08138010 | PHÚN TIẾN | PHÁT | DH08TD | 1 | | | 0,0 | 1,5 | 1,1 | 1 | 1 |
| ~~92~~ | ~~11119009~~ | ~~QUÁCH TẤN~~ | ~~PHÁT~~ | ~~DH11CC~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| ~~93~~ | ~~11344005~~ | ~~NGUYỄN HOÀNG~~ | ~~PHÚC~~ | ~~CD11CI~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 94 | 11119013 | QUÁCH ĐẠI HỒNG | PHÚC | DH11CC | 1 | | | 9,0 | 3,0 | 4,8 | 4 | 8 |
| 95 | 11344037 | VÕ PHI | PHỤNG | CD11CI | 1 | | | 1,0 | 3,0 | 2,4 | 2 | 4 |
| 96 | 09138012 | LÊ MINH | PHƯỚC | DH09TD | 1 | | | 3,0 | 5,5 | 4,8 | 4 | 8 |
| 97 | 10138006 | ĐẶNG THANH | PHƯƠNG | DH10TD | 1 | | | 1,0 | 1,5 | 1,4 | 1 | 4 |
| 98 | 11153009 | VÕ MINH | PHƯƠNG | DH11CD | 1 | | | 1,0 | 1,0 | 1,0 | 1 | 0 |
| 99 | 11344038 | LÂM TUẤN | QUANG | CD11CI | 1 | | | 1,0 | 2,0 | 1,7 | 1 | 7 |
| 100 | 11153035 | TRẦN HOÀNG | QUỐC | DH11CD | 1 | | | 2,0 | 6,0 | 4,8 | 4 | 8 |
| 101 | 10118009 | TRẦN VĂN | SANG | DH10CK | 1 | | | 5,0 | 4,0 | 4,3 | 4 | 3 |
| 102 | 11344065 | PHẠM QUỐC | SINH | CD11CI | 1 | | | 7,0 | 3,5 | 4,6 | 4 | 6 |
| 103 | 10147077 | NGÔ THỊ | SỜ | DH10QR | 1 | | | 1,0 | 1,0 | 1,0 | 1 | 0 |
| 104 | 11119010 | KIỀU VĂN THÁI | SƠN | DH11CC | 1 | | | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7 | 0 |
| 105 | 11344067 | NGUYỄN TẤN | TÀI | CD11CI | 1 | | | 2,0 | 4,5 | 3,8 | 3 | 8 |
| 106 | 11153013 | LÊ VĂN | TÂM | DH11CD | 1 | | | 7,0 | 8,5 | 8,1 | 8 | 1 |
| 107 | 10153035 | NGUYỄN MINH | TÂN | DH10CD | 1 | | | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0 | 0 |
| 108 | 11153032 | PHẠM CÔNG | TẤN | DH11CD | 1 | | | 7,0 | 8,5 | 8,1 | 8 | 1 |

Số bài: 126 ; Số tờ: 127

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Nhu Nguyễn Thị Quỳnh Như

Trần Thị Kim Hà

Ng Triều Lan

Võ Mạnh Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 03272



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD100 **Nhóm Thi :** Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 109 | 11153029 | LÊ DUY | THANH | DH11CD | 1 | | | 9,0 | 8,5 | 8,7 | 8 | 7 |
| 110 | 10147081 | NGUYỄN THỊ KIM | THANH | DH10QR | 1 | | | 0,0 | 7,0 | 4,9 | 4 | 9 |
| 111 | 10137057 | NGUYỄN DUY | THÀNH | DH10NL | 1 | | | 9,0 | 7,0 | 7,6 | 7 | 6 |
| 112 | 11118006 | PHẠM TẤN | THÀNH | DH11CC | 1 | | | 6,0 | 8,5 | 7,8 | 7 | 8 |
| 113 | 11344041 | NGUYỄN VĂN | THẢO | CD11CI | 1 | | | 0,0 | 2,0 | 1,4 | 1 | 4 |
| 114 | 11153037 | PHAN HIỀN | THẢO | DH11CD | 1 | | | 8,0 | 6,0 | 6,6 | 6 | 6 |
| 115 | 11344036 | ĐỖ VĂN | THẮNG | CD11CI | 1 | | | 5,0 | 6,0 | 5,7 | 5 | 7 |
| 116 | 11344044 | NGUYỄN QUANG | THIỀU | CD11CI | 1 | | | 4,0 | 4,5 | 4,4 | 4 | 4 |
| 117 | 11118007 | LÊ SỸ | THỊNH | DH11CK | 1 | | | 6,0 | 5,0 | 5,3 | 5 | 3 |
| 118 | 11119011 | NGÔ QUANG | THỊNH | DH11CC | 1 | | | 4,0 | 4,5 | 4,4 | 4 | 4 |
| ~~119~~ | ~~11153030~~ | ~~PHAN TẤN~~ | ~~THỊNH~~ | ~~DH11CD~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 120 | 11153031 | PHAN TRƯỜNG | THỊNH | DH11CD | 1 | | | 9,0 | 3,0 | 4,8 | 4 | 8 |
| 121 | 11344049 | LÂM HÒA | THUẬN | CD11CI | 1 | | | 1,0 | 5,5 | 4,2 | 4 | 2 |
| 122 | 11344052 | LÊ NGỌC | THUẬN | CD11CI | 1 | | | 0,0 | 1,5 | 1,1 | 1 | 1 |
| 123 | 11118005 | MAO THANH | THUẬN | DH11CC | 1 | | | 2,0 | 8,5 | 6,6 | 6 | 6 |
| 124 | 11153028 | HUỲNH NGỌC | TIẾN | DH11CD | 1 | | | 9,0 | 6,5 | 7,3 | 7 | 3 |
| ~~125~~ | ~~10138047~~ | ~~NGUYỄN PHƯỚC~~ | ~~TIẾN~~ | ~~CD11CI~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 126 | 11118009 | NGUYỄN THÁI | TÌNH | DH11CD | 1 | | | 6,0 | 9,0 | 8,1 | 8 | 1 |

Số bài: 126 ; Số tờ: 127

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Ng. T. Kiều Nương

Trần Thị Minh Hà

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Triệu Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hưng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 03272



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD100 **Nhóm Thi :** Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 127 | 11153014 | TRẦN QUỐC | TỈNH | DH11CD | 1 | | | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 8 | 0 |
| 128 | 11153010 | NGUYỄN QUỐC | TOÀN | DH11CD | 1 | | | 8,0 | 9,5 | 7,3 | 7 | 3 |
| 129 | 11153005 | LÊ KHẮC | TOÀN | DH11CD | 1 | | | 6,0 | 9,5 | 8,5 | 8 | 5 |
| 130 | 09118019 | NGUYỄN VĂN | TOÁN | DH09CK | 1 | | | 3,0 | 5,0 | 4,4 | 4 | 4 |
| 131 | 10139243 | ĐINH VĂN | TRANG | DH10HH | 1 | | | 7,0 | 4,5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 132 | 09134013 | HOÀNG NGÔ THỊ KIỀU | TRANG | DH09GB | 1 | | | 3,0 | 4,5 | 4,1 | 4 | 1 |
| 133 | 11344053 | HÒA XUÂN | TRUNG | CD11CI | 1 | | | 0,0 | 5,5 | 3,9 | 3 | 9 |
| 134 | 11344054 | NGUYỄN HOÀNG | TRUNG | CD11CI | 1 | | | 6,0 | 6,0 | 6,0 | 6 | 0 |
| ~~135~~ | ~~11344068~~ | ~~VŨ VĂN~~ | ~~TRUNG~~ | ~~CD11CI~~ | | | | | | | | |
| 136 | 11118002 | NGUYỄN VĂN | TRƯỜNG | DH11CC | 1 | | | 4,0 | 8,0 | 6,8 | 6 | 8 |
| 137 | 11344059 | TRẦN QUANG | TRƯỜNG | CD11CI | 1 | | | 4,0 | 6,5 | 5,8 | 5 | 8 |
| 138 | 11344047 | NGUYỄN MINH | TUẤN | CD11CI | 1 | | | 5,0 | 9,0 | 7,8 | 7 | 8 |
| 139 | 11119003 | NGUYỄN THỊ KIM | TUYỀN | DH11CC | 1 | | | 7,0 | 8,5 | 8,1 | 8 | 1 |
| ~~140~~ | ~~10119017~~ | ~~TRẦN VĂN~~ | ~~VỊNH~~ | ~~CD11CI~~ | | | | | | | | |
| 141 | 09118020 | NGUYỄN VĂN | VŨ | DH09CK | 1 | | | 8,0 | 5,5 | 4,5 | 4 | 5 |
| 142 | 11344051 | TRẦN THANH | VŨ | CD11CI | 1 | | | 5,0 | 3,0 | 3,6 | 3 | 6 |
| 143 | 11118003 | LÝ QUANG | VƯƠNG | DH11CC | 1 | | | 4,0 | 7,0 | 6,1 | 6 | 1 |
| 144 | 11344058 | NGUYỄN MINH | VƯỢNG | CD11CI | 1 | | | 3,0 | 4,5 | 4,1 | 4 | 1 |

Số bài: 126 ; Số tờ: 127

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 03272



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD100 **Nhóm Thi :** Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 145 | 11344040 | TRẦN ĐÌNH VƯỢNG | CD11CI | 1 | [signature] | | 7,0 | 5,0 | 5,6 | 5 | 6 |

Số bài: 124; Số tờ: 128

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

[signature] Võ Thị Quỳnh [signature]

Cán bộ coi thi 1&2

[signature] Ng. T. Kiều Nương

Trần Thị Kim Hà [signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn

[signature]

Ks Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

[signature]

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00764



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 003 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11148237 | HOÀNG THỊ HUYỀN | TRANG | DH11DD | | | | 9,0 | 8,5 | 8,7 | 8 | 7 |
| 2 | 11148028 | HỒ THỊ | TRANG | DH11DD | | | | 2,0 | 2,5 | 2,4 | 2 | 4 |
| 3 | 11148238 | LÊ THỊ MINH | TRANG | DH11DD | | | | 9,0 | 3,0 | 4,8 | 4 | 8 |
| 4 | 11148239 | NGUYỄN THỊ | TRANG | DH11DD | | | | 10,0 | 9,5 | 9,7 | 9 | 7 |
| 5 | 11148241 | TRƯƠNG THỊ ĐÀI | TRANG | DH11DD | | | | 1,0 | 4,0 | 3,1 | 3 | 1 |
| 6 | 11148341 | NGÔ THỊ BÍCH | TRÂM | DH11DD | | | | 10,0 | 8,5 | 9,0 | 9 | 0 |
| 7 | 11148242 | PHAN HỒ THỊ BÍCH | TRÂM | DH11DD | | | | 10,0 | 6,5 | 7,6 | 7 | 6 |
| 8 | 11148030 | VÕ THỊ | TRÂM | DH11DD | | | | 2,0 | 0,5 | 1,0 | 1 | 0 |
| 9 | 11148246 | TRƯƠNG THÙY BẢO | TRINH | DH11DD | | | | 9,0 | 5,0 | 6,2 | 6 | 2 |
| 10 | 10137063 | TRẦN THANH | TRƯỜNG | DH10NL | | | | 8,0 | 2,5 | 4,2 | 4 | 2 |
| 11 | 11148263 | PHẠM THANH | TÚ | DH11DD | | | | 9,0 | 2,0 | 4,1 | 4 | 1 |
| 12 | ~~11148346~~ | ~~TRƯƠNG THỊ~~ | ~~TÙNG~~ | ~~DH11DD~~ | | | | | | | | |
| 13 | 11148255 | ĐỖ THANH | TUYỀN | DH11DD | | | | 9,0 | 3,0 | 5,7 | 5 | 7 |
| 14 | 11148256 | NGUYỄN THỊ THANH | TUYỀN | DH11DD | | | | 3,0 | 6,0 | 5,1 | 5 | 1 |
| 15 | 11148257 | ĐỖ THỊ THANH | TUYẾT | DH11DD | | | | 5,0 | 0,0 | 1,5 | 1 | 5 |
| 16 | 11148265 | TRẦN THỊ HỒNG | TƯƠI | DH11DD | | | | 4,0 | 1,5 | 2,3 | 2 | 3 |
| 17 | 11148268 | NGUYỄN THỊ BẢO | UYÊN | DH11DD | | | | 9,0 | 5,5 | 6,6 | 6 | 6 |
| 18 | 11148350 | NGUYỄN THỊ | VÂN | DH11DD | | | | 2,0 | 5,5 | 4,5 | 4 | 5 |

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Hồ Nam Việt

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Thiên Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00764



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 003 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11148273 | TỪ THỊ TƯỜNG | VI | DH11DD | | | | 9,0 | 3,0 | 4,8 | 4 | 8 |
| 20 | 11148035 | BÙI THANH | VŨ | DH11DD | | | | 9,0 | 2,0 | 4,1 | 4 | 1 |
| 21 | 11148277 | LÊ HỮU TƯỜNG | VY | DH11DD | | | | 10,0 | 1,5 | 4,1 | 4 | 1 |
| 22 | 11148279 | NGUYỄN MỸ | XUÂN | DH11DD | | | | 8,0 | 5,5 | 6,3 | 6 | 3 |
| 23 | 11148282 | TRỊNH THỊ NGỌC | YẾN | DH11DD | | | | 6,0 | 1,0 | 2,5 | 2 | 5 |
| 24 | 11148288 | VÕ THỊ | YẾN | DH11DD | | | | 7,0 | 8,5 | 8,9 | 8 | 9 |
| 25 | 11148289 | VÕ THỊ BÍCH | YẾN | DH11DD | | | | 10,0 | 8,5 | 9,0 | 9 | 0 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Tô Nam Việt

Duyệt của Trưởng Bộ môn

N Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00773



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 10156003 | ĐẶNG THỊ HOÀI | BẮC | DH10VT | 1 | | | 7,0 | 6,5 | 6,7 | 6 | 7 |
| 2 | 10147007 | K' | BRƯM | DH10QR | 1 | | | 6,0 | 5,5 | 5,7 | 5 | 7 |
| 3 | 10147008 | LÊ VĂN | CẢNH | DH10QR | 1 | | | 5,0 | 2,5 | 3,3 | 3 | 3 |
| 4 | 10156005 | NGUYỄN THỊ BẢO | CHÂU | DH10VT | 1 | | | 7,0 | 3,0 | 4,2 | 4 | 2 |
| 5 | 10126012 | TRƯƠNG LÊ LỆ | CHI | DH10SH | 1 | | | 8,0 | 5,0 | 5,9 | 5 | 9 |
| 6 | 10147014 | K' | DÀI | DH10QR | 1 | | | 6,0 | 6,0 | 6,0 | 6 | 0 |
| 7 | 10126015 | VŨ THỊ THÚY | DIỄM | DH10SH | 1 | | | 4,0 | 2,5 | 3,0 | 3 | 0 |
| 8 | 10125030 | LỮ THỊ THANH | DỊU | DH10BQ | 1 | | | 8,5 | 5,0 | 6,1 | 6 | 1 |
| 9 | 10147017 | LÊ VĂN | DŨNG | DH10QR | 1 | | | 6,0 | 3,5 | 4,3 | 4 | 3 |
| 10 | 10147016 | MAI KHẮC | DUY | DH10QR | 1 | | | 5,0 | 4,5 | 4,7 | 4 | 7 |
| 11 | 10173004 | NGUYỄN LÊ TẤN | ĐẠT | DH10GE | 1 | | | 6,0 | 5,5 | 5,7 | 5 | 7 |
| 12 | 09115015 | PHẠM VĂN | HẬU | DH09CB | 1 | | | 9,0 | 7,0 | 7,6 | 7 | 6 |
| 13 | 10162006 | PHẠM TRẦN TRỌNG | HIỀN | DH10GE | 1 | | | 2,0 | 1,5 | 1,7 | 1 | 7 |
| ~~14~~ | ~~10156023~~ | ~~TRẦN THỊ THANH~~ | ~~HIỀN~~ | ~~DH10VT~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 15 | 10147033 | NGUYỄN THỊ ÁNH | HIỆP | DH10QR | 1 | | | 5,0 | 2,5 | 3,3 | 3 | 3 |
| 16 | 10147031 | NGUYỄN ĐỨC | HIẾU | DH10QR | 1 | | | 6,0 | 3,5 | 4,3 | 4 | 3 |
| ~~17~~ | ~~09118006~~ | ~~VÕ BÁ~~ | ~~HOÀNG~~ | ~~DH09CK~~ | | | | | | | 0 | 0 |
| 18 | 10169036 | LÝ CẨM | HỒNG | DH10GN | 1 | | | 9,0 | 4,5 | 5,9 | 5 | 9 |

Số bài:.....21.....; Số tờ:.....21.....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Hồ Văn Quy Nhân

Lê Hoàng Thanh Đan Thi

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Mẹ Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00773



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ 1 ( %) | Đ 2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 10173010 | TRẦN CÔNG | HUẤN | DH10GE | 1 | [signature] | | 4,0 | 4,5 | 4,4 | 4 | 4 |
| 20 | 10126054 | PHẠM THỊ | HUỆ | DH10SH | | | | | | | V | |
| 21 | 10126229 | DƯƠNG MẠNH | HÙNG | DH10SH | 1 | [signature] | | 0,0 | 4,0 | 2,8 | 2 | 8 |
| 22 | 10146016 | NGÔ NGỌC | HƯNG | DH10NK | | [signature] | | | | | V | |
| 23 | 09147044 | TRẦN ĐÌNH | HƯNG | DH09QR | 1 | [signature] | | 5,0 | 1,0 | 2,2 | 2 | 2 |
| 24 | 10126060 | LÊ THỊ CÚC | HƯƠNG | DH10SH | 1 | [signature] | | 5,0 | 1,0 | 2,2 | 2 | 2 |
| 25 | 10125072 | NGUYỄN THỊ | HƯƠNG | DH10BQ | 1 | [signature] | | 8,0 | 3,0 | 4,5 | 4 | 5 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Số bài: 21; Số tờ: 21

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2 — Hồ Văn Cự Nhân; Lê Hoàng Thanh Đoàn Thu

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Lê Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2 — Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00774



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD402 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 10125073 | TRẦN THỊ | HƯƠNG | DH10BQ | | Hương | | 0,0 | 1,0 | 0,7 | 0 | 7 |
| 2 | 10173018 | NGUYỄN ĐẮC | KHA | DH10GE | | Kha | | 5,0 | 2,5 | 3,3 | 3 | 3 |
| 3 | 10156033 | PHAN NGUYỄN ĐÌNH | KHANG | DH10VT | | Khang | | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5 | 0 |
| 4 | 10126065 | NGUYỄN LÊ TRUNG | KIÊN | DH10SH | | Kiên | | 7,5 | 9,0 | 8,6 | 8 | 6 |
| 5 | 10147043 | TRẦN TRUNG | KIÊN | DH10QR | | Kiên | | 6,0 | 1,5 | 2,9 | 2 | 9 |
| 6 | 09126094 | NGUYỄN THIÊN | KIM | DH09SH | | Kim | | 9,0 | 5,5 | 6,6 | 6 | 6 |
| 7 | 10146001 | MOUL DU | LICK | DH10NK | | Du | | 8,0 | 4,0 | 5,2 | 5 | 2 |
| 8 | 10173051 | NGUYỄN THỊ | LIỄU | DH10GE | | Liễu | | 2,0 | 1,0 | 1,3 | 1 | 3 |
| 9 | 10148128 | TRẦN THỊ THÙY | LINH | DH10DD | | Linh | | 2,0 | 2,5 | 2,4 | 2 | 4 |
| 10 | 10154020 | ĐOÀN NGUYỄN THÀNH | LONG | DH10OT | | Long | | 7,0 | 1,5 | 3,2 | 3 | 2 |
| 11 | 10126085 | HOÀNG TRẦN ANH | MINH | DH10SH | | Minh | | 10,0 | 7,5 | 8,3 | 8 | 3 |
| 12 | 10125103 | LÊ HÙNG | MINH | DH10BQ | | | | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0 | 0 |
| 13 | 10147053 | NGUYỄN THANH | MINH | DH10QR | | Minh | | 4,0 | 0,0 | 1,2 | 1 | 2 |
| 14 | 10146025 | TRẦN THỊ KIỀU | NGA | DH10NK | | Nga | | 5,0 | 2,0 | 2,9 | 2 | 9 |
| 15 | 08125129 | TRẦN NGUYỄN HOÀNG | NGÂN | DH08BQ | | Ngân | | 5,0 | 1,5 | 2,6 | 2 | 6 |
| 16 | 10173023 | ƯNG KIM | NGUYÊN | DH10GE | | Nguyên | | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5 | 0 |
| 17 | 10126106 | NGÔ MINH | NHÂM | DH10SH | | Nhâm | | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5 | 0 |
| 18 | 10156051 | ĐỖ NGUYÊN | NHẤT | DH10VT | | Nhất | | 5,0 | 8,5 | 7,5 | 7 | 5 |

Số bài:...25...; Số tờ:...25..

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00774



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD402 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 09126143 | ĐOÀN THỊ | NHUNG | DH09SH | | Nhung | | 5,0 | 0,5 | 1,9 | 1 | 9 |
| 20 | 10162008 | NGUYỄN THỊ KIM | OANH | DH10GE | | Kim | | 5,0 | 3,0 | 3,6 | 3 | 6 |
| 21 | 10126121 | BÙI THANH | PHÚ | DH10SH | | Phú | | 6,0 | 3,0 | 3,9 | 3 | 9 |
| 22 | 10126123 | HUỲNH TẤN | PHÚC | DH10SH | | Phúc | | 4,0 | 4,0 | 4,0 | 4 | 0 |
| 23 | 08126157 | NGÔ TẤN | PHỤNG | DH08SH | | Phụng | | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0 | 0 |
| 24 | 10173025 | DƯƠNG ĐẶNG MINH | PHƯỚC | DH10GE | | Phước | | 2,0 | 0,0 | 0,6 | 0 | 6 |
| 25 | 10117159 | NGUYỄN THỊ BÍCH | PHƯƠNG | DH10CT | | Phương | | 5,0 | 1,0 | 2,2 | 2 | 2 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Lê Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00775



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 003 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 10147070 | NGUYỄN TRỌNG | QUANG | DH10QR | 1 | | | 6,0 | 2,0 | 3,2 | 3 | 2 |
| 2 | 10126133 | PHẠM THỊ | QUÍ | DH10SH | 1 | | | 3,0 | 5,0 | 4,4 | 4 | 4 |
| 3 | 10156062 | PHAN THỊ THỤC | QUYÊN | DH10VT | 1 | | | 5,0 | 4,5 | 4,7 | 4 | 7 |
| 4 | 10146061 | QUÁCH PHONG | SƠN | DH10NK | 1 | | | 4,0 | 7,0 | 6,1 | 6 | 1 |
| 5 | 10126145 | VY PHÚC | SỸ | DH10SH | 1 | | | 3,0 | 1,0 | 1,6 | 1 | 6 |
| 6 | 10114032 | NGUYỄN TẤN | TÀI | DH10LN | 1 | | | 6,0 | 2,5 | 3,6 | 3 | 6 |
| 7 | 10126150 | TRƯƠNG HỒNG | TÂM | DH10SH | 1 | | | 2,0 | 2,0 | 2,0 | 2 | 0 |
| 8 | 10147117 | ĐIỂU | TÈO | DH10QR | 1 | | | 5,0 | 2,5 | 3,3 | 3 | 3 |
| 9 | 08137058 | NGUYỄN BẢO | THÁI | DH08NL | 1 | | | 6,0 | 6,0 | 6,0 | 6 | 0 |
| 10 | 10173019 | THÁI NGUYỄN NGỌC | THANH | DH10GE | 1 | | | 5,0 | 3,5 | 4,0 | 4 | 0 |
| 11 | 10156065 | TRẦN THỊ | THANH | DH10VT | 1 | | | 8,0 | 4,5 | 5,6 | 5 | 6 |
| 12 | 09114112 | DƯƠNG VĂN | THÀNH | DH09LN | 1 | | | 7,0 | 6,0 | 6,3 | 6 | 3 |
| 13 | 10126157 | BÙI THỊ ÁI | THẢO | DH10SH | 1 | | | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5 | 0 |
| 14 | 10126159 | NGUYỄN THỊ | THẢO | DH10SH | 1 | | | 5,0 | 4,0 | 4,3 | 4 | 3 |
| 15 | 10173017 | THƯỢNG NGỌC | THẢO | DH10GE | 1 | | | 7,0 | 4,5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 16 | 10162009 | NGUYỄN KIỀU MINH | THÔNG | DH10GE | 1 | | | 6,0 | 2,5 | 3,6 | 3 | 6 |
| 17 | 10146041 | ĐÀM VĂN | THUẬN | DH10NK | 1 | | | 2,0 | 7,5 | 5,9 | 5 | 9 |
| 18 | 10114096 | MAI NGỌC | TIẾN | DH10LN | 1 | | | 3,0 | 4,5 | 4,1 | 4 | 1 |

Số bài: 30 ; Số tờ: 31

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thu Loan

Lê T Luân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Mỹ Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00775



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 003 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 10154096 | ĐẶNG VĂN | TOÀN | DH10OT | 1 | | | 7,0 | 6,0 | 6,3 | 6 | 3 |
| 20 | 10156079 | PHẠM PHƯỚC | TOÀN | DH10VT | 1 | | | 5,0 | 5,5 | 5,4 | 5 | 4 |
| 21 | 10126194 | HUỲNH THANH | TRÚC | DH10SH | 1 | | | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0 | 0 |
| 22 | 10169030 | NGUYỄN THIỆN | TRUNG | DH10GN | 1 | | | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0 | 0 |
| 23 | 09126293 | VÕ VĂN | TRUNG | DH09SH | 1 | | | 9,5 | 3,0 | 5,0 | 5 | 0 |
| 24 | 10126206 | NGUYỄN HOÀNG | TÚ | DH10SH | 1 | | | 0,0 | 3,5 | 2,5 | 2 | 5 |
| 25 | 10156086 | THI VĂN TUẤN | TÚ | DH10VT | 1 | | | 7,0 | 6,5 | 6,7 | 6 | 7 |
| 26 | 10126234 | ĐINH THANH | TUẤN | DH10SH | 1 | | | 3,0 | 1,5 | 2,0 | 2 | 0 |
| 27 | 10173016 | TẠ THANH | TÙNG | DH10GE | 1 | | | 2,0 | 1,5 | 1,7 | 1 | 7 |
| 28 | 10173043 | NGUYỄN ĐỖ NGỌC | UYÊN | DH10GE | 2 | | | 6,5 | 5,0 | 5,5 | 5 | 5 |
| 29 | 10114092 | TRƯƠNG QUỐC | VIỆT | DH10LN | 1 | | | 5,0 | 9,0 | 7,8 | 7 | 8 |
| 30 | 10117264 | NGUYỄN LA | VỸ | DH10CT | 1 | | | 9,0 | 4,5 | 5,9 | 5 | 9 |

Số bài: 30 ; Số tờ: 31

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thu Loan

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Nguyễn Thị Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00772



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD305 **Nhóm Thi :** Nhóm 12 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~1~~ | ~~10114074~~ | ~~QUẢNG ĐẠI~~ | ~~LÝ~~ | ~~DH10KL~~ | | | | | | | | |
| 2 | 11156012 | NGUYỄN THỊ HUỲNH | MAI | DH11VT | 1 | | | 10,0 | 5,0 | 6,5 | 6 | 5 |
| 3 | 10156045 | TRẦN THỊ | NGA | DH10VT | 1 | | | 5,0 | 3,0 | 3,6 | 3 | 6 |
| 4 | 11156047 | NGUYỄN THỊ | NGỌC | DH11VT | 1 | | | 2,0 | 2,5 | 2,1 | 2 | 1 |
| ~~5~~ | ~~11156107~~ | ~~NGUYỄN THỊ THÙY~~ | ~~NGUYÊN~~ | ~~DH11VT~~ | | | | | | | | |
| 6 | 11156051 | NGUYỄN THỊ HỒNG | NHUNG | DH11VT | 1 | | | 6,0 | 3,0 | 3,9 | 3 | 9 |
| 7 | 10154028 | TRẦN VĂN | NHƯ | DH10OT | 1 | | | 10,0 | 2,0 | 4,4 | 4 | 4 |
| ~~8~~ | ~~07126252~~ | ~~CHÂU~~ | ~~PHI~~ | ~~DH08SH~~ | | | | | | | | |
| 9 | 11156052 | VÕ HỒNG | PHỤNG | DH11VT | 1 | | | 9,0 | 8,0 | 8,3 | 8 | 3 |
| 10 | 10138010 | NGUYỄN MINH | QUANG | DH10TD | 1 | | | 8,0 | 3,5 | 4,9 | 4 | 9 |
| ~~11~~ | ~~10344096~~ | ~~LÊ MINH~~ | ~~QUỐC~~ | ~~CD10CI~~ | | | | | | | | |
| ~~12~~ | ~~11156054~~ | ~~NGUYỄN THỊ NGÂN~~ | ~~QUỲNH~~ | ~~DH11VT~~ | | | | | | | | |
| 13 | 11156057 | NGUYỄN THỊ | SÂM | DH11VT | 1 | | | 6,5 | 3,5 | 4,4 | 4 | 4 |
| 14 | 11156095 | HUỲNH DUY | SƠN | DH11VT | 1 | | | 4,0 | 4,0 | 4,0 | 4 | 0 |
| 15 | 11156059 | TRẦN HÀ | SƠN | DH11VT | 1 | | | 2,0 | 3,5 | 3,1 | 3 | 1 |
| 16 | 09138013 | NGUYỄN VĂN | TÀI | DH09TD | 1 | | | 5,0 | 0,0 | 1,5 | 1 | 5 |
| 17 | 10154036 | NGUYỄN THÁI | TÂM | DH10OT | 1 | | | 4,0 | 3,5 | 3,7 | 3 | 7 |
| 18 | 11156061 | THỔ THỊ MỸ | TÂM | DH11VT | 1 | | | 3,0 | 5,5 | 4,8 | 4 | 8 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Trần ngọc Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Lê Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00772



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD305 **Nhóm Thi :** Nhóm 12 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 11156114 | ĐỖ THỊ | THÀNH | DH11VT | 1 | | | 10,0 | 5,5 | 6,9 | 6 | 9 |
| 20 | 10154040 | HUỲNH | THẢO | DH10OT | 1 | | | 5,0 | 1,0 | 2,2 | 2 | 2 |
| 21 | 11156115 | LÊ THỊ | THẢO | DH11VT | 1 | | | 9,0 | 5,5 | 6,6 | 6 | 6 |
| 22 | 11156066 | NINH PHƯƠNG | THÚY | DH11VT | 1 | | | 6,5 | 4,0 | 4,8 | 4 | 8 |
| 23 | 11156067 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | THƯ | DH11VT | 1 | | | 5,0 | 4,0 | 4,3 | 4 | 3 |
| 24 | 11156068 | TRẦN THỊ ANH | THƯ | DH11VT | 1 | | | 10,0 | 7,0 | 7,9 | 7 | 9 |
| ~~25~~ | ~~11156069~~ | ~~TRẦN ANH~~ | ~~THƯƠNG~~ | ~~DH11VT~~ | | | | | | | | |
| 26 | 11156070 | TRẦN DIỄM HOÀI | THƯƠNG | DH11VT | 1 | | | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7 | 0 |
| ~~27~~ | ~~11156071~~ | ~~NGUYỄN THỊ NGỌC~~ | ~~TIÊN~~ | ~~DH11VT~~ | | | | | | | | |
| 28 | 11156013 | KIỀU | TRANG | DH11VT | 1 | | | 10,0 | 5,5 | 6,9 | 6 | 9 |
| 29 | 11156014 | ĐỖ THỊ MỸ | TÚ | DH11VT | 1 | | | 8,0 | 7,0 | 7,3 | 7 | 3 |
| 30 | 09139230 | VÕ TẤN | TÚ | DH09HH | 1 | | | 7,0 | 1,0 | 2,8 | 2 | 8 |
| 31 | 11156083 | LÊ THANH | TÙNG | DH11VT | 1 | | | 9,0 | 7,0 | 7,6 | 7 | 6 |
| 32 | 11156086 | NGUYỄN THỊ HỒNG | VÂN | DH11VT | 1 | | | 2,0 | 4,5 | 3,8 | 3 | 8 |
| ~~33~~ | ~~11162002~~ | ~~HOÀNG XUÂN HỒNG~~ | ~~VŨ~~ | ~~DH11QL~~ | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Trần ngọc Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ng Trần Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00771



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD304 **Nhóm Thi :** Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11156096 | NGUYỄN THỊ QUẢN | AN | DH11VT | | | | 5,0 | 2,0 | 2,9 | 2 | 9 |
| 2 | 11156018 | ĐẶNG THỊ | ANH | DH11VT | | | | 10,0 | 8,0 | 8,6 | 8 | 6 |
| ~~3~~ | ~~11173006~~ | ~~HUỲNH PHƯƠNG~~ | ~~ANH~~ | ~~DH11TM~~ | | | | | | | | |
| 4 | 11156019 | HUỲNH TUẤN | ANH | DH11VT | | | | 10,0 | 10,0 | 10,0 | 10 | 0 |
| ~~5~~ | ~~11173002~~ | ~~LÊ THỊ PHƯƠNG~~ | ~~ANH~~ | ~~DH11KM~~ | | | | | | | | |
| 6 | 11156020 | MAI PHƯƠNG | ANH | DH11VT | | | | 10,0 | 8,0 | 8,6 | 8 | 6 |
| 7 | 11156021 | VŨ THỊ HỒNG | ANH | DH11VT | | | | 5,0 | 5,5 | 5,4 | 5 | 4 |
| 8 | 11156022 | NGÔ THỊ THÙY | ÂN | DH11VT | | | | 10,0 | 9,0 | 9,3 | 9 | 3 |
| ~~9~~ | ~~11156001~~ | ~~NGUYỄN XUÂN HOÀI~~ | ~~ÂN~~ | ~~DH11TP~~ | | | | | | | | |
| ~~10~~ | ~~11156004~~ | ~~BÙI THỊ BẢO~~ | ~~CHÂU~~ | ~~DH11TP~~ | | | | | | | | |
| 11 | 11156024 | LÊ THỊ NGỌC | CHÂU | DH11VT | | | | 8,0 | 7,5 | 7,7 | 7 | 7 |
| 12 | 11156098 | NGUYỄN THỊ MỸ | DIỄM | DH11VT | | | | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7 | 0 |
| 13 | 11156026 | CAO THỊ THÙY | DUNG | DH11VT | | | | 10,0 | 7,0 | 7,9 | 7 | 9 |
| ~~14~~ | ~~11162003~~ | ~~LÊ PHƯƠNG~~ | ~~GIANG~~ | ~~DH11TB~~ | | | | | | | | |
| 15 | 11156029 | DƯ THỊ | GIÀU | DH11VT | | | | 2,0 | 3,0 | 2,7 | 2 | 7 |
| 16 | 11156099 | ĐẶNG THỊ | HẠ | DH11VT | | | | 4,0 | 7,0 | 6,1 | 6 | 1 |
| 17 | 11156005 | ĐÀO THỊ TÂM | HẠNH | DH11VT | | | | 9,0 | 8,5 | 8,7 | 8 | 7 |
| 18 | 10344058 | MAI THỊ | HẢO | CD10CI | | | | 2,0 | 2,5 | 2,4 | 2 | 4 |

Số bài: 22 ; Số tờ: 27

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Thanh Nữ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

M Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00771



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD304 **Nhóm Thi :** Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~19~~ | ~~11173003~~ | ~~LÊ THỊ THANH~~ | ~~HIỀN~~ | ~~DH11QL~~ | | | | | | | 0 | |
| 20 | 11156034 | NGUYỄN THỊ NGỌC | HIỆP | DH11VT | | | | 4,0 | 6,0 | 5,4 | 5 | 4 |
| 21 | 11156101 | VÕ THỊ | HIỆU | DH11VT | | | | 2,0 | 3,0 | 2,7 | 2 | 7 |
| 22 | 10344060 | VÕ VĂN | HOÀNG | CD10CI | | | | 5,0 | 2,0 | 2,9 | 2 | 9 |
| 23 | 10344063 | VÕ THỊ | HỚN | CD10CI | | | | 2,0 | 2,0 | 2,0 | 2 | 0 |
| 24 | 11156103 | VÕ THỊ LINH | KHA | DH11VT | | | | 5,0 | 4,0 | 4,3 | 4 | 3 |
| 25 | 11156037 | TÔ NHẬT | KHÔI | DH11VT | | | | 1,0 | 1,0 | 1,0 | 1 | 0 |
| 26 | 09153054 | VŨ DUY | KIÊN | DH09CD | | | | 4,0 | 1,0 | 1,9 | 1 | 9 |
| 27 | 11156038 | VÕ THỊ | KÍNH | DH11VT | | | | 6,0 | 5,5 | 5,7 | 5 | 7 |
| 28 | 11156009 | HUỲNH THỊ KIM | LỆ | DH11VT | | | | 4,0 | 3,0 | 3,3 | 3 | 3 |
| 29 | 11156104 | NGUYỄN THỊ MỸ | LỆ | DH11VT | | | | 10,0 | 3,5 | 5,5 | 5 | 5 |
| 30 | 11156039 | NGUYỄN THỊ ÁI | LIÊN | DH11VT | | | | 7,0 | 4,0 | 4,6 | 4 | 6 |
| 31 | 11156011 | NGUYỄN THỊ | LỤA | DH11VT | | | | 7,0 | 2,0 | 3,5 | 3 | 5 |
| 32 | 11156010 | NGUYỄN THỊ THÚY | LÙNG | DH11VT | | | | 7,0 | 4,5 | 5,3 | 5 | 3 |
| 33 | 11156043 | VÕ THỊ THẢO | LY | DH11VT | | | | 10,0 | 6,5 | 7,6 | 7 | 6 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Số bài:...22...; Số tờ:...27...

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Thanh Nữ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ly Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00777



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD501 Nhóm Thi : Nhóm 14 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 10117161 | BÙI NHƯ | QUỲNH | DH10CT | 1 | | | 4,0 | 3,5 | 3,7 | 3 | 7 |
| 2 | 10153030 | NGUYỄN VĂN | QUỲNH | DH10CD | 1 | | | 9,5 | 4,5 | 6,0 | 6 | 0 |
| 3 | 10154081 | MAI HÀ | SANG | DH10OT | 1 | | | 8,0 | 8,5 | 8,4 | 8 | 4 |
| 4 | 10117182 | ĐẶNG HỮU | THÁI | DH10CT | 1 | | | 5,0 | 4,5 | 4,7 | 4 | 7 |
| 5 | ~~10154041~~ | ~~ĐỖ TẤN~~ | ~~THÁI~~ | ~~DH10OT~~ | | | | | | | | |
| 6 | 10126154 | NGUYỄN LÂM THIÊN | THANH | DH10SH | 1 | | | 3,0 | 3,5 | 3,4 | 3 | 4 |
| 7 | 10126158 | HUỲNH THỊ THANH | THẢO | DH10SH | 1 | | | 4,0 | 2,0 | 2,9 | 2 | 9 |
| 8 | 10148227 | NGUYỄN THỊ THU | THẢO | DH10DD | 1 | | | 6,0 | 3,5 | 4,3 | 4 | 3 |
| 9 | 10154079 | LÂM MINH | THẠO | DH10OT | 1 | | | 9,5 | 6,0 | 7,1 | 7 | 1 |
| 10 | 10153038 | ĐOÀN TRẦN CAO | THĂNG | DH10CD | 1 | | | 5,5 | 6,5 | 6,2 | 6 | 2 |
| 11 | ~~10112178~~ | ~~ĐỖ HỮU HƯƠNG~~ | ~~THỊNH~~ | ~~DH10TY~~ | | | | | | | | |
| 12 | 09147106 | NGUYỄN THỊ | THÙY | DH09QR | 1 | | | 0,0 | 4,0 | 2,8 | 2 | 8 |
| 13 | 10112202 | TRẦN ĐỨC | TOÀN | DH10TY | 1 | | | 1,0 | 2,0 | 1,7 | 1 | 7 |
| 14 | 10153064 | HOÀNG VĂN | TRANG | DH10CD | 1 | | | 5,0 | 1,0 | 2,2 | 2 | 2 |
| 15 | 09137047 | NGUYỄN VĂN | TRẮNG | DH09NL | 1 | | | 4,0 | 1,0 | 1,9 | 1 | 9 |
| 16 | 10173003 | PHẠM BẠCH NGỌC | TRÂM | DH10GE | 1 | | | 4,0 | 3,5 | 3,7 | 3 | 7 |
| 17 | 09126244 | BÀN HỮU | TRỊNH | DH09SH | 1 | | | 3,0 | 4,0 | 3,7 | 3 | 7 |
| 18 | 10344084 | TRẦN HIẾU | TRUNG | CD10CI | 1 | | | 4,0 | 3,0 | 3,3 | 3 | 3 |

Số bài: 20 ; Số tờ: 20

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Ms Triều Lan

Võ Mạnh Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 00777



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Vật lý 1 (202201) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD501 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 002 - Đợt 1

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 09147118 | NGUYỄN PHI | TRƯỜNG | DH09QR | 1 | | | 4,0 | 0,5 | 0,4 | 0 | 4 |
| 20 | 10117242 | NGUYỄN CÔNG | TÚ | DH10CT | 1 | | | 2,0 | 1,5 | 1,7 | 1 | 7 |
| 21 | 10137069 | VÕ MINH | TUẤN | DH10NL | 1 | | | 4,0 | 5,5 | 5,1 | 5 | 1 |
| 22 | 10148298 | HỒ THỊ KIM | TUYẾN | DH10DD | 1 | | | 5,0 | 3,0 | 3,6 | 3 | 6 |

Số bài: 20 ; Số tờ: 20

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ns Triều Lan

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Mạnh Hùng

Ngày 16 tháng 12 năm 2011